CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KĐXD CÔNG TRÌNH 79
Số: 01/CV-CT79

V/v: Công bố công khai năng lực thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 09 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi:
- Sở xây dựng tỉnh Quảng Ninh.
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:
- Tên tổ chức**: Công ty Cổ phần đầu tư và tư vấn kiểm định xây dựng công trình 79**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số 0109723550 ngày,tháng, năm cấp lần đầu: 29/07/2021. Cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.
- Địa chỉ: Đội 15, thôn Khoan Tế, xã Bát Tràng, thành phố Hà Nội;
- Điện Thoại: 0936.533.628
- Email: tuvanxdcongtrinh79@gmail.com
- Mã số thuế: 0109723550

2. Tên phòng thí nghiệm:
- Tên phòng thí nghiệm**: Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình**
- Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số nhà 02 - B23, khu đô thị Cao Xanh – Hà Khánh A, phường Cao Xanh, Tp. Quảng Ninh.

3. Thông tin về năng lực của tổ chức hợt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân viên thực hiện thí nghiệm
I.	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG**			
1.	Xác định độ mịn của xi măng, Khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023; ASTM C188 - 23, ASTM C204 - 24; ASTM C430-2017 ; AASHTO T133 - 22, AASHTO T153 - 22, ASHTO T192 - 23	Sàng, cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy, tủ sấy, Bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hoả, Thiết bị thấm khí Blaine	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
2.	Xác định cường độ nén và uốn của xi măng	TCVN 6016:2011; ASTM C109/109M -23	Sàng , máy trộn, khuôn máy dằn (điển hình), máy thử độ bền uốn, máy nén	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông	TCVN 6017:2015, TCVN 8875:2012; ASTM C187 - 23,	Dụng cụ Vica, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật,	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân

	kết và tính ổn định thể tích	ASTM C191-21; AASHTO T131 - 23	ống đong, dao thép, đồng hồ bấm giây, máy trộn,	
II.	**THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, CÁT SAN LẤP, CẤP PHỐI ĐÁ DĂM, CẤP PHỐI SỎI ĐỎ, ĐÁ MI, ĐÁ GỐC**			
4.	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	Cân kỹ thuật 1g, dụng cụ lấy mẫu, thiết bị chia mẫu, …	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
5.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006 ; ASTM136/C136M - 19; AASHTO T27 - 23; BS EN 933-1 : 2012	Cân kỹ thuật, cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn bộ sàng, tủ sấy, Máy lắc sàng .	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
6.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006 ; ASTM C128 - 22; ASHTO T84 - 22 , AASHTO T85 - 22; BS EN 1097 -6 : 2022	Bình khối lượng riêng, Cân kỹ thuật, bình hút ẩm, tủ sấy, chày cối, thùng ngâm mẫu, sàng	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
7.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 TCVN 10322:2014 AASHTO T85 - 22	Cân kỹ thuật, giỏ cân trong nước, thùng chứa nước để cân trong nước, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
8.	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:2006 ; ASTM C29/C29M-23 ; AASHTO T19/T19M -22; BS EN 1097 -3:1998	Thùng đong, cân kỹ thuật, phễu chứa mẫu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thước lá kim loại.	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
9.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006 ; ASTM C566 - 19 ; ASHTO T255 - 22	Cân kỹ thuật, tủ sấy, hộp đựng mẫu.	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
10.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét, hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C117-23, ASTM C142/C142M-23; AASHTO T112-23; BS EN 933-1:2012	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng rửa mẫu, đồng hồ bấm giây.	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
11.	Xác định tạp chất hữu cơ phương pháp so màu	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40/C40M-20; AASHTO T21M/T21-20	Bản màu chuẩn so sánh, Cân kỹ thuật, sàng, thuốc thử	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
12.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D7012 - 23	Máy thử nén, Thước cặp điện tử , thùng ngâm mẫu,	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân

13.	Xác định độ nén dập trong xilanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy thử nén, xi lanh, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
14.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006; ASTM C535-16; AASHTO T96-22	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy quay mài mòn Los Angeles.	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
15.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791-23; BS EN 933-3-12, BS EN 933-4-08, BS EN 933-5-22;	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, thước kẹp cải tiến, tủ sấy	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
16.	Xác định thành phần hạt của cấp phối đá dăm	TCVN 8859:2023	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn; tủ sấy, búa cao su, cọ quét, giá xúc mẫu, dụng cụ chia mẫu.	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
III.	**THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG**			
17.	Xác định thành phần cấp phối của bê tông sử dụng cát nghiền	TCVN 9382:2012	Máy trộn bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, cân kỹ thuật , bộ côn thử độ sụt, thước lá kim loại	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
18.	Lựa chọn vật liệu, xác định thành phần bê tông đối với bê tông cường độ cao	TCVN 10306:2014	Máy trộn bê tông, khuôn đúc mẫu bê tông, cân kỹ thuật , bộ côn thử độ sụt, thước lá kim loại	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
19.	Phương pháp lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022; ASTM C31/C31M-24; BS EN 12350-1:2019	Khuôn đúc mẫu, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại, búa cao su, dao gạt mẫu, đồng hồ bấm giây	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
20.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143/C143M-20; AASHTO T119-23; BS EN 12350-2:2019	Côn thử độ sụt + tấm đế , que chọc bằng thép, thước lá kim loại dài 300mm, đồng hồ bấm giây.	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
21.	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993 ; ASTM C138/138M - 23; AASHTO T121 - 23 ; BS EN 12350-6 : 2019	Thùng kim loại, que chọc bằng thép đầu múp tròn, cân đĩa 30kg, dao thép gạt mẫu, búa cao su	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân

22.	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022; ASTM C232/232M-21; AASHTO T158-23; BS EN 12350-4:2019	Khuôn thép, bàn rung, que chọc bằng thép, cân kỹ thuật, sàng, thước lá kim loại, gao gạt mẫu,ống đong, tủ sấy	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
23.	Xác định phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:1993	Cân kỹ thuật; sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, bay, xẻng xúc mẫu	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
24.	Phương pháp áp suất xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:2022; BS EN 12350-7:2019; ASTM C173/C173M-24, ASTM C231/C231M-24; AASHTO T152-23	Thiết bị đo hàm lượng bọt khí, bàn rung, que chọc	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
25.	Xác định khối lượng riêng của bê tông	TCVN 3112:2022; ASTM C642-21; BS EN 12390-7:2019	Bình khối lượng riêng cổ cao hoặc bình tam giác, cân kỹ thuật, búa con, cối chày đồng, tủ sấy	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
26.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; ASTM C642-21; BS EN 12390-7:2019	Cân kỹ thuật, tủ sấy, khăn lau, bàn chải, đá mài.	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
27.	Xác định độ mài mòn của bê tông	TCVN 3114:2022	Máy mài mòn, cân kỹ thuật, thước kẹp điện tử	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
28.	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:2022	Máy thử độ chống thấm, bàn chải sắt, paraphin, bếp ga, giá ép mẫu, bếp ga.	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
29.	Xác định chiều sâu thấm dưới áp lực nước	BS EN 12390-8 : 2019 TCVN 8219:2009; ASTM C1585-20	Máy thử độ chống thấm, bàn chải sắt, paraphin, bếp ga, giá ép mẫu, bếp ga.	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
30.	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022; ASTM C39/C39M-24; AASHTO T22M/T22-22; BS EN 12390-3:2019:	Máy nén, thước lá kim loại, đệm truyền tải	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
31.	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C293/C293M-16 BS EN 12390-5 : 2019	Máy nén, thước lá kim loại, đệm truyền tải, gối uốn 4 điểm tựa	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ;

				Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
32.	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bửa	TCVN 3120:2022; ASTM C496/C496M-17; AASHTO T198-22	Máy nén, bộ giá ép chẻ	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
33.	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338:2012; ASTM C403/C403M-23; AASHTO T197M/T197-23	Khuôn bê tông, dụng cụ thử độ ninh kết bê tông và kim xuyên, đồng hồ bấm giây.	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
34.	Xác định nhiệt độ của hỗn hợp bê tông	ASTM C1064/C1064M-23; AASHTO T309-22	.	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
35.	Xác định cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022, TCVN 9843:2013; ASTM C496/C496M-17	Máy nén, đế từ đỡ đồng hồ so, đồng hồ so, thước lá kim loại	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
IV.	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ĐẤT SÉT NUNG**			
36.	Xác định kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan của gạch xây	TCVN 6355-1:2009	Thước thép, thước kẹp.	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
37.	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009	Máy nén, thước kim loại, các miếng kính, bay, chảo, máy cắt.	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
38.	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy thử nén + bộ gối uốn , thước kim loại, các miếng kính, bay, chảo.	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
39.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu.	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
40.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thước lá kim loại.	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân

41.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Búa con, sàng, tủ sấy, bình hút ẩm, cân, bình cổ cao, dầu hỏa…	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
42.	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009	Thùng giữ ẩm, Thước đo có độ chính xác tới 1 mm	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
V.	**THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN**			
43.	Xác định kiểm tra kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999	Thước thép dài, thước kẹp điện tử.	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
44.	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 6476:1999	Máy nén, bay, chảo, các miếng kính, bộ má ép	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
45.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
46.	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065:1995	Máy mài, cân kỹ thuật	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
VI.	**THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG**			
47.	Xác định kiểm tra kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Thước thép dài, thước kẹp điện tử	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
48.	Xác định độ rỗng của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Cân kỹ thuật, Thước lá kim loại, tấm kính, cát tiêu chuẩn khô, cọ quét, mui xúc cát	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
49.	Xác định cường độ chịu nén của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Máy nén, Thước lá thép, tấm kính, bay, chảo	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
50.	Xác định độ thấm nước của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Thiết bị thử thấm, tủ sấy, cân kỹ thuật	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ;

				Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
51.	Xác định độ hút nước của gạch bê tông	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy, cân kỹ thuật	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
VII.	**THỬ NGHIỆM GẠCH GỐM ỐP LÁT**			
52.	Lấy mẫu	TCVN 6415-1:2016	Mẫu lấy theo lô sao cho đại diện cho sản phẩm, lấy theo thùng đóng gói cẩn thận	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
53.	Xác định thước sai lệch kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016	Thước cặp điện tử, thước Pame, thước đo góc	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
54.	Xác định độ hút nước	TCVN 6415-3:2016	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước cặp điện tử , bình hút ẩm,bình hút chân không	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
55.	Xác định độ bền uốn và lực uốn gẫy	TCVN 6415-4:2016	Máy thử nén,bộ gối uốn, thước thép , thước cặp điện tử, tủ sấy	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
56.	Xác định độ mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2016	Thiết bị mài mòn gạch phủ men, Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước cặp điện tử	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
57.	Xác định độ mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7:2016	Thiết bị mài mòn gạch không phủ men, cân kỹ thuật, tủ sấy, thước cặp điện tử	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
58.	Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415-18:2016	Bộ đá thí nghiệm	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
VIII.	**THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN**			
59.	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước	TCVN 4732:2016	Thước cặp điện tử , thước Pame, thước đo góc	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
60.	Xác định độ chịu mài mòn bề mặt	TCVN 4732:2016	Máy thử mài mòn bê tông, Thước cặp điện tử. Cân kỹ thuật, tủ	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ;

				Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
61.	Xác định độ hút nước, khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:2016	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước cặp điện tử , bình hút ẩm,bình hút chân không	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
62.	Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-4:2016	Máy thử nén, bộ gá uốn, thước cặp điện tử, tủ sấy	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
IX.	**THỬ NGHIỆM GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN**			
63.	Xác định kiểm tra kích thước khuyết tật ngoại quan	TCVN 6065:1995	Thước thép, thước kẹp…	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền
64.	Xác định độ mài mòn lớp mặt	TCVN 6065:1995	Thước cặp kim loại, cân kỹ thuật, tủ sấy, vật liệu mài, máy mài…	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền
65.	Xác định độ hút nước	TCVN 6065:1995	Cân kỹ thuật, thùng hay bể ngâm mẫu.	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền
66.	Xác định độ chịu lực va đập xung kích	TCVN 6065:1995	Viên bi sắt hình cầu, thước ống	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền
67.	Xác định tải trọng uốn gẫy	TCVN 6065:1995	Thước lá kim loại, máy uốn 5 tấn…	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền
68.	Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995	Dụng cụ đo độ cứng (loại chìa đầu không sắc góc)…	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền
X.	**THỬ NGHIỆM GẠCH LÁT GRANITO**			
69.	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6065:1995, TCVN 6074:1995	Thước thép, thước kẹp điện tử, thước đo góc	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền
70.	Xác định độ mài mòn lớp mặt	TCVN 6065:1995	Cân kỹ thuật, thiết bị mài mòn gạch, bột mài, tủ sấy, thước kẹp điện tử	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền
71.	Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6074:1995	Dụng cụ đo độ cứng dùng chìa khóa đồng (loại chìa đầu không sắc góc)	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền
XI.	**THỬ NGHIỆM GẠCH TERRAZZO**			

72.	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước; Độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013	Thước thép dài, thước kẹp điện tử, thước đo góc, Tủ sấy, cân kỹ thuật, bể nước ngâm mẫu	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền
73.	Xác định độ mài mòn bề mặt	TCVN 6065:1995	Cân kỹ thuật , thiết bị mài mòn gạch, bột mài, tủ sấy, thước kẹp điện tử	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền
74.	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy kéo nén, tủ sấy, giá uốn, thước thép dài, thước kẹp điện tử	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền
XII.	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ NGÓI LỢP, NGÓI XI MĂNG**			
75.	Xác định độ hút nước, thấm nước	TCVN 4313:2023, TCVN 1453:2023	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước cặp điện tử, bình hút ẩm, bình hút chân không, bể ngâm mẫu.	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền
76.	Xác định khối lượng 1m^2 ngói bão hòa nước	TCVN 4313:2023	Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, tủ sấy, Bể nước ngâm mẫu.	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền
77.	Xác định lực uốn gãy	TCVN 4313:2023, TCVN 1453:2023	Máy kéo nén, thước cặp điện tử, tủ sấy	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền
XIII.	**THỬ NGHIỆM BỘT TRÉT, BỘT BẢ TƯỜNG**			
78.	Xác định độ mịn	TCVN 13605:2023	Sàng, Cân kỹ thuật, tủ sấy, cọ quét	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
79.	Xác định thời gian đông kết	TCVN 6017:2015	Dụng cụ Vica, chảo trộn, bay trộn hồ, Cân kỹ thuật, đồng hồ bấm giây, máy trộn	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
80.	Xác định độ giữ nước	TCVN 7239:2014	Cân kỹ thuật, đồng hồ bấm giây, ống đong, máy hút chân không, giấy lọc	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
81.	Xác đinh độ cứng bề mặt	TCVN 7239:2014	Dụng cụ đo độ cứng, cân kỹ thuật, bay, chảo ống đong,	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân
82.	Xác định độ dính bám	TCVN 7239:2014, TCVN 7899-2:2008	Tủ dưỡng hộ, tủ sấy, Thiết bị thử cường độ bám dính, keo bám dính.	Trịnh Đình Vận ; Nguyễn Thành Văn ; Nguyễn Huy Tuyền ; Phạm Ngọc Tuân

XIV.	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG**			
83.	Lấy mẫu, bao gói vận chuyển và bảo quản	TCVN 2683:2012	Dùng dao, xẻng, ống nhựa	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
84.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng) của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195:2012; ASTM D854-23; AASHTO T100-22	Cân kỹ thuật, bình tỷ trọng, cối chày sứ (đồng), rây, tủ sấy, tỷ trọng kế, bếp cách cát.	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
85.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216-19; AASHTO T265-22	Cân kỹ thuật, Bình hút ẩm, hộp ẩm, tủ sấy, cối chày, rây, tủ sấy, cốc nhỏ (hộp nhôm có nắp)	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
86.	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy và chỉ số dẻo của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14134-4:2024, TCVN 4197:2012; ASTM D4318-17e1; AASHTO T89-22, AASHTO T90-22	Tấm kính nhám, rây, cối và chày sứ có đầu bọc cao su, bình thuỷ tinh có nắp, Cân kỹ thuật, tủ sấy	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
87.	Xác định thành phần hạt của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14135-5:2024, TCVN 14134-3:2024, TCVN 4198:2014; AASHTO T88-22	Cân kỹ thuật, bộ rây, cối và chày, tủ sấy, bình hút ẩm, tỷ trọng kế, ống đong, nhiệt kế, que khuấy, đồng hồ bấm giây.	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
88.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4199:1995; ASTM D3080/D3080M-23	Máy cắt một phẳng	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
89.	Xác định tính nén lún, lún ướt của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012; ASTM D2435/D2435M-20; AASHTO T216-22	Máy nén lún, dao gọt đất, dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, tủ sấy, Cân kỹ thuật	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
90.	Xác định khối lượng thể tích của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; ASTM D7263-21	Dao vòng bằng kim loại, thước cặp, dụng cụ xác định độ ẩm, hộp nhôm có nắp, tủ sấy đến, bình hút ẩm.	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
91.	Xác định chỉ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020; AASHTO T193-22	Máy nén CBR,đồng hồ đo biến dạng,chày đầm, cối,tấm đệm ga tải,thùng ngâm mẫu,tủ sấy, cân, sàng	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
92.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn, Cân kỹ thuật, sàng, bình phun nước, tủ sấy, hộp nhôm	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân

93.	Xác định đầm nén proctor	TCVN 12790:2020; AASHTO T99-22, AASHT O T180-22	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, sàng, bình phun nước, tủ sấy, hộp nhôm	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
94.	Xác định nén 1 trục nở hông	TCVN 9438:2012; ASTM D2166/D2166M-24	Máy nén 1 trục, thước cặp điện tử, tủ dưỡng hộ	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
95.	Xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8723:2012; ASTM D2434-22	Dụng cụ đo thấm, bể chứa nước, đồng hồ bấm giây Cân kỹ thuật, tủ sấy	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
96.	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012; AASHTO T267-22; ASTM D2974-20e1	Cân phân tích, Cân kỹ thuật, tủ sấy, lò nung, búa, cối chày, bình định mức, thuốc thử	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
97.	Xác định hàm lượng muối dễ hòa tan.	TCVN 8727:2012	Cân phân, Cân kỹ thuật, tủ sấy, lò nung, búa, cối chày, bình định mức, thuốc thử	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
98.	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012	Cân kỹ thuật, tủ sấy, cối đầm tiêu chuẩn, sàng, dụng cụ nghiền mẫu, đồng hồ bấm giây, thước cặp điện tử , dụng cụ nghiền mẫu	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
99.	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ trong phòng thí nghiệm	TCVN 9843:2013	Máy nén, đồng hồ đo lực hoặc dùng máy nén 3 trục gắn bộ gá đo biến dạng	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền; Phạm Ngọc Tuân
XV.	**THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ KIM LOẠI HÀN**			
100.	Thử kéo (thử kéo kim loại, mối nối)	TCVN 197-1:2014; ASTM A370 -24 ; JIS Z2241 - 22	Máy thử độ bền kéo nén, Cân kỹ thuậ), thước thép	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
101.	Thử uốn	TCVN 198:2008; ASTM A370 -24 ; JIS Z2248 : 2022	Máy thử độ bền kéo nén; bộ gối uốn	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
102.	Thép làm cốt bê tông và bê tông dự ứng lực (thử kéo, thử uốn, thử uốn lại)	TCVN 7937 -1:2013, TCVN 197-1:2014	Máy thử kéo nén, ngàm kẹp kéo, ngàm uốn, Cân kỹ thuật, thước thép, gối uốn	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
103.	Kiểm tra chất lượng mối hàn kim loại -Thử uốn	TCVN 5401:2010; ASTM E190 -21	Máy thử độ bền kéo nén, thước cặp điện tử, thước thép	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền

104.	Thử kéo mối hàn kim loại – thử kéo ngang, kéo dọc	TCVN 8310:2010, TCVN 8311:2010	Máy thử độ bền kéo nén, thước cặp điện tử, thước thép	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
105.	Thử kéo dây kim loại	TCVN 1824:1993 ASTM A370-24	Máy thử độ bền kéo nén, thước cặp điện tử, thước thép	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
106.	Xác định độ tụt nêm, neo.	TCVN 10568:2017; ASTM A370-24	Máy thử độ bền kéo nén, thước cặp điện tử , thước thép, bộ dụng cụ kéo rút nem neo	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
107.	Thử cấp độ bền kéo, cắt bu lông, vít, vít cấy	ASTM A370-24, ASTM F606/F606M-21	Máy thử độ bền kéo nén,bộ chuông kéo bu lông, thước cặp điện tử	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
108.	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp siêu âm (UT)	TCVN 6735:2018, TCVN 1548:1987; ASME B.P.V Code-2023; AWS D1.1/D1.1M:2020	Máy siêu âm kiểm tra khuyết tật	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
109.	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp bột từ (MT)	TCVN 4396:2018; AWS D1.1/D1.1M-20	Thiết bị kiểm tra từ tính, bột từ	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
110.	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp thẩm thấu (PT)	TCVN 4617-2:2018; AWS D1.1/D1.1M;	Dung dịch kiểm tra mối hàn	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
111.	Cốt thép- Phương pháp uốn và uốn lại không hoàn toàn	TCVN 6287:1997	Máy thử độ bền kéo nén, thước cặp điện tử	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
112.	Ống kim loại -Thử kéo vật liệu và kéo nguyên ống	TCVN 314:2008, TCVN 197-1:2014; ASTM A370 -24	Máy thử độ bền kéo nén, thước cặp điện tử	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
113.	Lưới thép hàn – thử kéo, thử uốn mối hàn lưới kim loại	TCVN 7937-2:2013, TCVN 197-1:2014	Máy thử độ bền kéo nén, thước cặp điện tử	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
114.	Kiểm tra chiều dày thép	AWS D1.1/D1.1M -20	Máy đo chiều dày thép	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
115.	Thép cốt bê tông - Mối nối bằng ống ren (coupler)	TCVN 13711-2:2023; TCVN 7937-1:2013, TCVN 197-1:2014; ASTM A370-24	Máy thử kéo – nén, ngàm kẹp kéo , dụng cụ đo vạch giản dài, cân kỹ thuật, thước thép.	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
116.	Ống kim loại - Thử nén bẹp, thử uốn nguyên ống	TCVN 1830:2008; ASTM A370 -24	Máy thử độ bền kéo nén, thước cặp điện	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
117.	Xác định lực siết bu lông	ISO 16047 : 2012	Cờ lê lực , đầu chụp bu lông	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
118.	Thử độ cứng	TCVN 257-1:2007; ASTM A255-20a	Máy thử độ cứng kim loại	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền

XVI.	**THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA**			
119.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; ASTM D6927-22; AASHTO T245-22;	Máy nén Marshall gia tải. Khuôn đúc mẫu, búa đầm, bệ đầm, bể ổn nhiệt, cân kỹ thuật, thước kẹp, nhiệt kế.	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
120.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm	TCVN 8860-2:2011; AASHTO T164-22; ASTM D2172/D2172M-24	Máy quay ly tâm, Giấy lọc, tủ sấy, bếp điện, lò nung, khay đựng mẫu, cân kỹ thuật, ống đong, cốc nung, bình hút ẩm và các dụng cụ phụ trợ…	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
121.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011 ; AASHTO T27-23; ASTM C136/C136M-19	Bộ sàng, tủ sấy, cân kỹ thuật	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
122.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; ASTM D2041/D2041M - 19; AASHTO T209-23	Bình đựng mẫu, cân kỹ thuật, máy hút chân không, bình lọc hơi nước, tủ sấy, khay sấy mẫu, giẻ lau.	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
123.	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011; ASTM D2726/D2726M-21; AASHTO T166-24	Cân kỹ thuật chính xác 1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu cân trong nước, tủ sấy, nhiệt kế…	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
124.	Xác định độ chảy nhựa của bê tông nhựa	TCVN 8860-6:2011; ASTM D6390-23; AASHTO T305-22	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân kỹ thuật, bay chảo trộn mẫu	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
125.	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011 AASHTO T304-22	Ống đong, phễu, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt bằng thép, cân kỹ thuật	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
126.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn của bê tông nhựa	TCVN 8860-8:2011	Máy khoan bê tông nhựa, cân, giẻ lau, nước đá, nước sôi máy đầm mẫu…	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
127.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011; AASHTO T269-14(2022); ASTM D3203-22	Bình đựng mẫu, cân kỹ thuật, tủ sấy, khay sấy mẫu, dây treo, giỏ đựng mẫu cân trong nước, nhiệt kế…	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
128.	Xác định độ rỗng cốt liệu của bê tông nhựa	TCVN 8860-10:2011; AASHTO T209-23, AASHTO T269 -24	Cân kỹ thuật, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu cân trong nước, tủ sấy, nhiệt kế, giẻ lau…	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền

129.	Xác định đô rỗng lấp đầy nhựa của bê tông nhựa	TCVN 8860-11:2011; AASHTO T209-23	Cân kỹ thuật, tủ sấy, dây treo, giỏ đựng mẫu cân trong nước, nhiệt kế…	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
130.	Xác định độ ổn định còn lại	TCVN 8860-12:2011; AASHTO T245 -22	Máy nén Marsall, đồng hồ đo độ biến dạng, bể ổ nhiệt, nhiệt kế…	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
XVII.	**THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA**			
131.	Xác định thành phần hạt của bột khoáng	TCVN 12884-2:2020 AASHTO T37 – 07(2020)	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, bát sứ, chày bịt cao su, cọ quét, bình hút ẩm	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
132.	Xác định độ ẩm của bột khoáng	TCVN 12884-2:2020	Cân kỹ thuật, chén sứ chịu nhiệt, tủ sấy, khay sấy bằng nhôm, bình hút ẩm	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
133.	Xác định chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 4197:2012	Cân kỹ thuật	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
134.	Khối lượng riêng của bột khoáng chất	TCVN 8735:2012 AASHTO T100-22	Bình khối lượng riêng, cân kỹ thuật, máy hút chân không, bình để rửa, tủ sấy, nhiệt kế điện tử, sàng, bát sứ,	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
135.	Xác định hệ số thích nước của bột khoáng	TCVN 12884-2:2020	Cân kỹ thuật, tủ sấy, chén xứ, chày có bịt cao su, ống đo, que thủy tinh, nước cất	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
XVIII.	**NHŨ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG GỐC AXIT**			
136.	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817 - 3 :2011	Bình lưu mẫu, pipet, cân kỹ thuật, cốc, tủ sấy…	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
137.	Xác định hàm lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817 - 4 :2011	Sàng, khay kim loại, nhiệt kế, cân, tủ sấy, bình hút ẩm…	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
XIX.	**THỬ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG BITUM**			
138.	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu	TCVN 7494:2005; ASTM 140-2023	Dụng cụ lấy mẫu: can nhựa	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
139.	Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:2005; ASTM D5/D5M-20	Máy đo độ kim lún, kim xuyên, cốc đựng mẫu, bể ổn nhiệt, đồng hồ đo thời gian, nhiệt kế…	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
140.	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005; ASTM D113-23; AASHTO T51-22	Máy kéo dài, khuôn bằng đồng, nhiệt kế , bể ổn nhiệt, đèn cồn hay bếp dầu hỏa, dao cắt nhựa…	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền

141.	Xác định điểm hóa mềm (dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D36/D36M-20; AASHTO T53-22	Khuôn tròn, bi tròn, vòng, tấm lót, vòng dẫn hướng, bình thủy tinh, khung treo, nhiệt kế, nước cất	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
142.	Xác định điểm chớp cháy (cốc mở Cleveland)	TCVN 7498:2005; ASTM D92-18; AASHTO T48-22 ASTM D3143/D3143M-19	Thiết bị cốc hở Cleveland (thủ công), thiết bị cốc hở Cleveland (tự động), dụng cụ đo nhiệt độ	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
143.	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163^0c trong 5h	TCVN 7499:2005; ASTM D6/D6M-18	Cân kỹ thuật, bát sắt, lò nung, bình hút ẩm, tủ sấy, kết cấu, giá quay, nhiệt kế, cốc mẫu…	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
144.	Xác định lượng hòa tan trong Trichlorothylene	TCVN 7500:2023; AASHTO T44-23; ASTM D2042-22	Dụng cụ lọc, bình lọc, ống lọc, ống cao su hoặc bộ gá, tủ sấy, bình hút ẩm, cân phân tích…	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
145.	Xác định khối lượng riêng ở 25^0C	TCVN 7501:2005; ASTM D70/D70M-21	Bình tỷ trọng kế, cân kỹ thuật, tủ sấy, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, chậu, nước cất, nước đá…	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
146.	Xác định độ nhớt động lực ở 60°C	TCVN 7502:2005; ASTM D2170/D2170M-24	Nhớt kế, nhớt kế, nhiệt kế, bể, dụng cụ đo thời gian, các dụng cụ điện tử đo thời gian…	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
XX.	**THỬ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG LỎNG**			
147.	Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:2005; ASTM D5/D5M-20	Máy đo độ kim lún, kim xuyên, cốc đựng mẫu, bể ổn nhiệt, bình chuyển tiếp, đồng hồ đo thời gian, nhiệt kế…	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
148.	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005; ASTM D113-23 AASHTO T51 - 22	Máy kéo dài, khuôn bằng đồng, nhiệt kế , bể ổn nhiệt, đèn cồn hay bếp dầu hỏa, dao cắt nhựa…	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
149.	Xác định độ hòa tan trong Tricloetylen	TCVN 7500:2023; ASTM D2042-22; AASHTO T44-22	Dụng cụ lọc, bình lọc, ống lọc, ống cao su hoặc bộ gá, tủ sấy, bình hút ẩm, cân phân tích…	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
150.	Xác định điểm chớp cháy (cốc mở Cleveland)	TCVN 8818 -2 :2011	Thiết bị cốc hở,dụng cụ đo nhiệt độ, ngọn lử thử…	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền

151.	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011	Bình chưng cất, bếp ga, ống ngưng, ống hứng, dung môi	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
152.	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4:2011	Bình chưng cất ống ngưng, ống dẫn hướng, vỏ chắn, giá đỡ vỏ chắn và bình chưng cất, nguồn nhiệt bếp ga	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
XXI.	**THỬ NGHIỆM VỮA XÂY, VỮA RÓT KHÔNG CO NGÓT, VỮA CHÈN CÁP DỰ ỨNG LỰC**			
153.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất của vữa xây dựng	TCVN 3121-1:2022	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
154.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022; ASTM C1437-2020	Bàn dằn thử độ lưu động hỗn hợp vữa, chày đầm bằng thép, chảo sắt, xẻng con, bay, khuôn hình côn.	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
155.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Bình trụ bằng sắt, chày đầm, dụng cụ thử độ lưu động, cân kỹ thuật, dao ăn, bay, chảo sắt…	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
156.	Xác định khả năng giữ độ lưu động	TCVN 3121-8:2022	Thiết bị thử độ lưu đông,máy hút chân không;phễu giấy lọc,đồng hồ bấm giây…	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
157.	Xác định thời gian bắt đầu đông kết	TCVN 3121-9:2022, TCVN 11971:2018; ASTM C807-21	Khâu đựng vữa hình côn đường kính	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
158.	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-10:2022	Bình trụ bằng sắt, chày đầm, dụng cụ thử độ lưu động, cân kỹ thuật, dao ăn, bay, chảo sắt…	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
159.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022 TCVN 3121-11:2022; ASTM C109/C109M-23	Máy kéo nén, cân kỹ thuật có độ chính xác 0.1g, gá thử nén, gối thử độ bền uốn .	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
160.	Xác định cường độ dính bám	TCVN 3121-12:2022 ASTM C1583/C1583M-20	Tấm đầu dolly 50mm, keo dán, máy kéo bám dính, lưỡi cắt	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
161.	Xác định độ hút nước của vữa đóng rắn	TCVN 3121-18:2022 ASTM C413-18(2023), ASTM C1403-22a	Cân kỹ thuật, tủ sấy	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền

162.	Vữa chèn cáp dự ứng lực - Xác định thành phần có hại trong vật liệu - Xác định lượng vón cục trên sàng 2mm - Xác định độ chảy - Xác định độ tách nước và thay đổi thể tích theo phương pháp ống đứng - Xác định thời gian đông kết Xác định cường độ nén	TCVN 11971: 2018	Sàng, ống đong, đồng hồ bấm giờ, máy thử nén vữa, Nhớt kế Suttard gồm một ống trụ bằng đồng hoặc thép không gỉ và tấm đáy bằng mica	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
XXII.	**PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG**			
163.	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988	Cân phân tích, Tủ sấy, lò nung, bình hút ẩm, bát sứ, chén sứ, chén bạch kim, giấy lọc không tro, phễu lọc.	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
164.	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988	Cân phân tích, Tủ sấy, bình hút ẩm, bát sứ, chén sứ, chén bạch kim, giấy lọc không tro, phễu lọc.	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
165.	Độ pH của nước	TCVN 6492:2011; ASTM D1293 - 18	Bút thử pH dung dịch chuẩn độ Ph trước khi đo	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
166.	Xác định hàm lượng ion Clorua (Clo)	TCVN 6194:1996	Phễu lọc thủy tinh, cân phân tích, ống nghiệm, Buret, thuốc thử	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
167.	Xác định hàm lượng ion sunfat ($S04^{2-}$)	TCVN 6200 :1996 ASTM D 516 - 22	Phễu lọc thủy tinh, cân phân tích, ống nghiệm, Buret, thuốc thử	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
168.	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 6186:1996	Ống nghiệm, bình đong.	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
XXIII.	**THỬ NGHIỆM DUNG DỊCH KHOAN (VẬT LIỆU BENTONITE; DUNG DỊCH BENTONITE POLYME)**			
169.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 11893:2017, TCVN 13068:2020	Cân tỷ trọng	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền

170.	Xác định độ nhớt phễu Marsh	TCVN 11893:2017, TCVN 13068:2020	Phễu, đồng hồ bấm giây.	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
171.	Xác định hàm lượng cát	TCVN 11893:2017, TCVN 13068:2020	Thiết bị xác định hàm lượng cát, sàng	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
172.	Xác định độ pH của bentonite	TCVN 11893:2017, TCVN 13068:2020	Máy xác định độ pH	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
173.	Xác định tỷ lệ chất keo (độ trương nở)	TCVN 11893:2017	Ống đong, đo thể tích nước bị tách ra khỏi dung dịch bentonite	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
174.	Xác định lực cắt tĩnh	TCVN 11893:2017	Lực kế cắt tĩnh, cốc chứa mẫu thử có thang chia độ được gắn vào trung tâm của đế (đáy) cốc, thang chia độ	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
175.	Xác định độ ổn định	TCVN 11893:2017	Ống đong, đồng hồ bấm giây, cân tỷ trọng, hộp cân, quả cân, thang chia độ, bình chứa betonite, nắp đậy.	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
176.	Độ ẩm	TCVN 4196:2012	Cân kỹ thuật, tủ sấy, khay đựng mẫu, hộp đựng ẩm .	Nguyễn Thành Văn; Nguyễn Huy Tuyền
XXIV.	**VẢI ĐỊA KỸ THUẬT – BẤC THẤM VÀ VỎ BỌC BẤC THẤM, LƯỚI ĐỊA KỸ THUẬT, MÀN KÍN KHÍ, CHỈ VÀ CÁC SẢN PHẨM ĐỊA KỸ THUẬT**			
177.	Xác định độ dày tiêu chuẩn, độ dày danh định	TCVN 8220:2009; ASTM D 5199 -19	Dụng cụ đo độ dày và đồng hồ so	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
178.	Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009; ASTM D5261-18, ASTM D3776-20	Cân kỹ thuật, thước lá kim loại.	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
179.	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011; ASTM D4533/4533M-15(2023)	Máy thử kéo nén	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
180.	Xác định lực kéo giật và độ giãn dài khi kéo giật	TCVN 8871-1:2011; ASTM D4632/4632M-15a(2023)	Máy thử kéo nén	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
181.	Xác định cường độ khi kéo và độ giãn dài	TCVN 8485:2010; ASTM D4595/4595M-24	Máy thử kéo nén	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
182.	Xác định lực xuyên thủng CBR	TCVN 8871-3:2011; ASTM D6241-22;	Máy thử kéo nén	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân

		ISO 12236:2006		
183.	Xác định lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011; ASTM D4833/4833M-07(2020)	Máy thử kéo nén	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
184.	Xác định độ thấm xuyên và hệ số thấm	TCVN 8487:2010; ASTM D4491/D4491-22	Thiết bị thử nghiệm thấm xuyên hình chứ U,đồng hồ bấm dây,cân kỹ thuật, nhiệt kế	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
185.	Xác định áp lực kháng bục	TCVN 8871-5:2011 ASTM D3786/D3786M - 18(2023)	Thiết bị tạo áp lực nén, ngàm kẹp, dụng cụ đo kích thước mẫu...	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
186.	Xác định cường độ chịu kéo mối nối	TCVN 9138:2012; ASTM D4884/D4884M-22; ISO 10321:2008	Máy kéo nén, ngàm kéo	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
187.	Xác định khả năng tắc hệ thống vải địa kỹ thuật và bấc thấm bằng hệ số gradien	ASTM D5101-23	Thiết bị kiểm tra gradien thủy lực, nhiệt kế, bảng áp kế bảng áp kế, sàng; ống xi lanh, cân điện tử, đồng hồ bấm giây…	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
188.	Xác định cường độ chịu kéo của chỉ nối	ASTM D2256/D2256M-21	Máy kéo nén	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
189.	Xác định khả năng thoát nước và và độ thấm thủy lực	ASTM D4716-22, ASTM D5084-24	Máy thử thấm ngang, ông lường, đồng hồ bấm giây, khuôn gá mẫu	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
XXV.	**THỬ NGHIỆM SƠN**			
190.	Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính sử dụng, độ ổn định ở nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn.	TCVN 8653-1:2012	Chổi quét sơn, Bình đựng bằng thủy tinh, Tủ lạnh.	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
191.	Xác định thời gian khô	TCVN 6557:2000	Ballotini (các hạt thủy tinh hình cầu nhỏ trong suốt, chổi quét, đồng hồ bấm giây, Cân kỹ thuật	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
192.	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2015	Thước đo độ mịn	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
193.	Xác định độ bền của lớp sơn theo phép thử cắt ô	TCVN 2097:2015, TCVN 6557:2000	Dao cắt, Kính lúp	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
194.	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993	Tấm kính, Cân phân tích	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
195.	Xác định độ bền nước	TCVN 8653-2:2012; ASTM D 870	Chậu nhựa, bếp điện; Nồi nhôm, chổi quét sơn,	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân

			Parafin; nước cất, khăn lau.	
196.	Xác định độ bền kiềm	TCVN 8653-3:2012, TCVN 9014:2011	Chậu nhựa, bếp điện; nồi nhôm, chổi quét sơn, Parafin; nước cất	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
197.	Xác định độ rửa trôi	TCVN 8653-4:2012	Cân kỹ thuật, xô nhựa, thìa sứ, khăn lau, ống đong, chổi quét, xà phòng bột, bình phun rửa, bàn chải, giấy đo pH	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
198.	Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh	TCVN 8653-5:2012	Tủ sấy, xô nhựa, chổi quét sơn, khăn lau.	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
199.	Xác định thời gian chảy bằng phễu (độ nhớt)	TCVN 2092:2013	Phễu chảy làm bằng thép không gỉ, nhớt kế, ống nivo gọt nước để cân bằng, tấm kính phẳng, dao gạt mẫu	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
200.	Xác định độ xuyên nước	TCVN 6557:2000	Ống hình trụ bằng thuỷ tinh, parafin, Tấm chuẩn để thử bằng bìa các tông	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
201.	Xác định độ bền lâu	TCVN 6557:2000	Bếp điện, nồi nhôm, đồng hồ bấm giây	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
202.	Xác định độ chịu nhiệt	TCVN 6557:2000	Nhiệt kế, tủ sấy, chổi lông mềm, kính lúp	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
203.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 10237-1:2013	Nhiệt kế, cân	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
XXVI.	**THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU CHỐNG THẤM GỐC XI MĂNG, POLYMER**			
204.	Xác định cường độ bám dính ở điều kiện thường, sau khi ngâm nước và sau khi lão hóa nhiệt	TCVN 12692:2020; BS EN 14891 : 2017	Thiết bị thử bám dính và đầu dolly, keo dán	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
205.	Xác định khả năng tạo cầu vết nứt	BS EN 14891 : 2017	Máy thử kéo nén	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
206.	Xác định độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh	TCVN 12692:2020; BS EN 14891 : 2017	Máy thử thấm bê tông; tủ sấy	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
XXVII.	**THỬ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG POLYME**			
207.	Xác định độ kim lún ở 25^0C	TCVN 7495:2005; ASTM D5/D5M-20	Máy đo độ kim lún, kim xuyên, cốc đựng mẫu, bể ổn nhiệt, bình chuyển tiếp, đồng hồ đo thời gian, nhiệt kế thủy tinh	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân

208.	Xác định độ kéo dài ở 25^0C	TCVN 7496:2005; ASTM D113-23; AASHTO T51-22	Máy kéo dài, khuôn tạo mẫu bằng đồng, nhiệt kế , bể ổn nhiệt, đèn cồn hay bếp dầu hỏa, dao cắt nhựa	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
209.	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D36/D36M-20; AASHTO T53-22	Thiết bị hóa mềm , bi tròn, vòng, tấm lót, vòng dẫn hướng, bình thủy tinh, khung treo, nhiệt kế, nước cất.	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
210.	Xác định điểm chớp cháy (cốc mở Cleveland)	TCVN 7498:2005; ASTM D92-18; AASHTO T48-22	Thiết bị cốc hở Cleveland số hiệu ,nhiệt kế đo nhiệt độ , hộp diêm.	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
211.	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163^0C trong 5h	TCVN 7499:2005; ASTM D6/D6M-18	Cân kỹ thuật , bát sắt, lò nung, bình hút ẩm, tủ sấ), nhiệt kế điện tử 300^0c, cốc mẫu.	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
212.	Xác định lượng hòa tan trong Trichlorothylene	TCVN 7500:2023; AASHTO T44-23; ASTM D2042-22	Dụng cụ lọc, lưới sợi thủy tinh, bình lọc, ống lọc, ống cao su hoặc bộ gá, tủ sấy, bình hút ẩm, cân phân tích	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
213.	Xác định khối lượng riêng ở 25^0C	TCVN 7501:2005; ASTM D70/D70M-21;	Bình tỷ trọng kế, cân kỹ thuật, tủ sấy, nhiệt kế điện tử, bể ổn nhiệt, chậu, nước cất, nước đá	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
214.	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005; ASTM D3625/D3625M-20	Bình thủy tinh, bếp đun, nhiệt kế.	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
215.	Xác định độ đàn hồi	TCVN 11194 :2017; ASTM D6084/D6084M-21;AASHTO T301-22	Máy kéo dài, khuôn tạo mẫu bằng đồng, nhiệt kế , bể ổn nhiệt, đèn cồn hay bếp dầu hỏa, dao cắt nhựa	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
216.	Xác định độ ổn định lưu trữ	TCVN 11195:2017	Ống nhôm; tủ sấy, cân kỹ thuật, thiết bị làm lạnh(tủ đông), dao cắt và búa	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
217.	Xác định độ hòa tan dung môi : - Sử dụng N-Propyl Bromide. - Sử dụng trichloroethylene C2Cl4	TCVN 7500:2023 ASTM D7553 -15(2021) AASHTO T44-23; ASTM D2042-22	Dụng cụ lọc, ống cao su, tủ sấy, bình hút ẩm, cân phân tích	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân

218.	Xác định độ nhớt bằng nhớt kế	TCVN 11196:2017	Nhớt kế, con thoi	Trịnh Đình Vận; Phạm Ngọc Tuân
XVIII.	**SƠN TÍN HIỆU GIAO THÔNG - VẬT LIỆU KẺ ĐƯỜNG PHẢN QUANG NHIỆT DẺO**			
219.	Xác định hệ số phản quang	TCVN 8791:2018	Máy đo hệ số phản quang - máy đo hệ số phản quang phù hợp với cấu hình và nguồn sáng	Nguyễn Huy Tuyền; Ngô Tiến Huy
220.	Xác định độ bám dính của lớp phủ bằng thiết bị Pull-off	ASTM D4541-22	Máy thử kéo bám dính, dao cắt, đầu dolly , đồng hồ bấm giây, keo dán tiếp xúc nền và dolly	Nguyễn Huy Tuyền; Ngô Tiến Huy
221.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 8791:2018	Cân phân tích, bình tỷ trọng, nước cất, bể ngâm mẫu	Nguyễn Huy Tuyền; Ngô Tiến Huy
222.	Khả năng chống nứt ở nhiệt độ thấp	AASHTO T250 -23	Tủ sấy, tủ đông lạnh điều chỉnh nhiệt độ.	Nguyễn Huy Tuyền; Ngô Tiến Huy
223.	Xác định kích thước hạt thủy tinh	TCVN 9880:2013 ASTM D1214-10(2020)	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn	Nguyễn Huy Tuyền; Ngô Tiến Huy
224.	Xác định ma sát bề mặt đường sử dụng phương pháp con lắc Anh	TCVN 10271 :2014; ASTM E303 -22	Máy thử con lắc Anh , con lắc có con trượt và giá đỡ trượt	Nguyễn Huy Tuyền; Ngô Tiến Huy
XXIX.	**SƠN TÍN HIỆU GIAO THÔNG - SƠN VẠCH ĐƯỜNG HỆ NƯỚC, HỆ DUNG MÔI**			
225.	Xác định độ mịn	TCVN 2091 : 2015	Thước đo; dao gạt mẫu	Nguyễn Huy Tuyền; Ngô Tiến Huy
226.	Xác định chiều dày màng sơn khô	TCVN 9760 : 2013	TB đo chiều dày + đồng hồ so điện tử, cọ quét	Nguyễn Huy Tuyền; Ngô Tiến Huy
227.	Xác định độ phản quang	TCVN 8786: 2018, TCVN 8787: 2018	Máy đo độ phản quang	Nguyễn Huy Tuyền; Ngô Tiến Huy

228.	Xác định độ bám dính của lớp phủ bằng thiết bị Pull-Off	ASTM D 4541-22	Máy thử kéo bám, dao cắt, đầu đôlly , đồng hồ bấm giây, keo dán	Nguyễn Huy Tuyền; Ngô Tiến Huy
XXX.	**THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**			
229.	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất, cát bằng phương pháp dao đai (xác định độ chặt của đất tại hiện trường)	TCVN 12791:2020, TCVN 8729:2012, TCVN 8730:2012, ASTM D2937 -24	Dao đai tròn bằng thép, cân kỹ thuật, dao gạt đất, hộp nhôm, bếp ga hoặc dùng cồn	Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn
230.	Xác khối lượng thể tích, độ ẩm của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012 , TCVN 8730:2012; AASHTO T191-14 (2022)	Phễu rót cát, cân kỹ thuật, bếp ga hoặc dùng cồn	Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn
231.	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước, nêm đo khe hở, cọ quét	Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn
232.	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của kết cấu áo đường bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2025	Tấm ép, kích thủy lực, đồng hồ so	Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn
233.	Xác định modul đàn hồi "E" nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Tấm ép, kích thủy lực, đồng hồ so	Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn
234.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965-15(2024)	Bộ dụng cụ đo nhám mặt đường, cọ quét, cát chuẩn	Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn
235.	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nẩy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012, ASTM C805/C805M - 18	Máy siêu âm bê tông, Thiết bị súng bật nẩy	Trịnh Đình Vận; Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn;
236.	Bê tông nặng – phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nẩy	TCVN 9334:2012; ASTM C805/C805M -18	Thiết bị súng bật nẩy bê tông	Trịnh Đình Vận; Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn;
237.	Bê tông - Phương pháp siêu âm xác định cường độ chịu nén	TCVN 13536: 2022	Máy siêu âm bê tông, dụng cụ đi kèm	Trịnh Đình Vận; Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn;

238.	Bê tông - phương pháp siêu âm xác định khuyết tật	TCVN 13537:2022; ASTM C597 -22	Máy siêu âm bê tông	Trịnh Đình Vận; Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn;
239.	Cọc – phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012; ASTM D1143/D1143M-20	kích thủy lực; đồng hồ so	Trịnh Đình Vận; Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn;
240.	Đất xây dựng - phương pháp xác định môđun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D4395 - 17	Tấm ép phẳng, kích thủy lực, đồng hồ so	Trịnh Đình Vận; Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn;
241.	Cọc khoan nhồi - xác định tính đồng nhất của bê tông - phương pháp xung siêu âm	TCVN 9396:2012; ASTM D6760 -16	Máy siêu âm cọc	Trịnh Đình Vận; Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn;
242.	Cọc - phương pháp thử động biến dạng lớn (PDA)	TCVN 11321:2016; ASTM D4945 -17	Thiết bị kiểm tra cọc động	Trịnh Đình Vận; Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn;
243.	Cọc - kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp động biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012; ASTM D 5882 -16	Thiết bị kiểm tra biến dạng nhỏ	Trịnh Đình Vận; Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn;
244.	Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011	Máy đo CBR hiện trường	Trịnh Đình Vận; Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn;
245.	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012	Máy đo điện trở tiếp đất	Trịnh Đình Vận; Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn; Ngô Tiến Huy
246.	Thí nghiệm kiểm tra đo độ nghiêng của móng sâu (gọi là cọc)	ASTM D8232 -18	Máy đo KODEN, Hệ thống đo lường: Cảm biến tiếng vang siêu âm	Trịnh Đình Vận; Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn; Ngô Tiến Huy
247.	Xác định lực kéo nhổ thép , bu long, vít cấy trên kết cấu	ASTM E1512-01(2023), ASTM E488/E488M -22	Kích thủy lực, bộ ngàm kéo nhổ các loại đường kính khác nhau	Trịnh Đình Vận; Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn; Ngô Tiến Huy
248.	Xác định cường độ kéo nhổ của bê tông	TCVN 9490:2012; ASTM C900-2023	Kích thủy lực, bộ ngàm kéo nhổ các loại đường kính khác nhau	Trịnh Đình Vận; Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn; Ngô Tiến Huy

249.	Xác định cường độ bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan	TCVN 12252:2020, TCXDVN 239:2006, TCVN 10303:2025; ASTM C42/C42M-20	Máy nén hiệu, Thước cặp, máy khoan.	Trịnh Đình Vận; Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn; Ngô Tiến Huy
250.	Xác định khả năng chịu tải của nắp hố ga, nắp thoát nước, song chắn rác	TCVN 10333:2016; BS EN124 : 2015	Kích thủy lực, đồng hồ so	Trịnh Đình Vận; Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn; Ngô Tiến Huy
251.	Kiểm tra hàm lượng nhựa tưới trên $1m^2$	TCVN 8863:2025	Khay tole, cân kỹ thuật	Trịnh Đình Vận; Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn; Ngô Tiến Huy
252.	Xác định chiều dày lớp phủ	TCVN 5408:2007	Máy đo chiều dày lớp phủ , Cân kỹ thuật	Trịnh Đình Vận; Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn; Ngô Tiến Huy
253.	Cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn - phương pháp thí nghiệm gia tải để kiểm tra độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347:2012	Kích thủy lực, đồng hồ so	Trịnh Đình Vận; Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn; Ngô Tiến Huy
254.	Kiểm tra ăn mòn cốt thép trong cấu kiện bê tông cốt thép bằng điện thế	TCVN 9348:2012	Thiết bị đo độ ăn mòn bằng điện kế	Trịnh Đình Vận; Trần Trung Hiếu; Nguyễn Thành Văn; Ngô Tiến Huy

Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn kiểm định xây dựng công trình 79 chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin công bố.

CTCP ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN
KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0109723550 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79 TP HÀ NỘI

Trịnh Văn Thanh

SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0109723550

Đăng ký lần đầu: ngày 29 tháng 07 năm 2021

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 25 tháng 03 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Đội 15, Thôn Khoan Tế, Xã Bát Tràng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0989284526* Số Fax:

Thư điện tử: *tuvanxdcongtrinh79@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ: 7.900.000.000 đồng.

Bằng chữ: Bảy tỷ chín trăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 790.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: TRỊNH VĂN THANH Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *30/06/1984* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *034084014037*

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 5, Khu 3, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Hữu Lương

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KĐXD CÔNG TRÌNH 79
-----oo0oo-----
Số: 02/QĐ-CT79

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----oo0oo-----

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
GIÁM ĐỐC CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79
(V/v: Thành lập phòng thí nghiệm)

- Căn cứ luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X thông qua ngày 12/6/1999.
- Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0109723550 đăng ký lần đầu, ngày 29 tháng 07 năm 2021, thay đổi lần 1 ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội
- Thực hiện quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng (Ban hành kèm theo quyết định số 18/2003/QĐ-BXD) ngày 27 tháng 6 năm 2003 của Bộ xây dựng.
- Xét yêu cầu nhiệm vụ và điều lệ hoạt động của Công ty.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Nay thành lập phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình

Tên: **Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình**

- Địa chỉ Ô số 02, lô B23, khu đô thị Cao Xanh – Hà Khánh A, phường Cao Xanh, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.
- Tel : 0936.533.628

Điều 2 : Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình có chức năng, nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Nghiên cứu các quy trình, công nghệ vật liệu mới, kết cấu mới úng dựng trong các công trình xây dựng.
- Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của các loại vật liệu xây dựng, bê tông, bê tông nặng, xi măng, vữa, gạch xây, thép, kim loại và mối hàn, và các loại vật liệu xây dựng khác.
- Thí nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật đất hiện trường, nền đất đắp, nền đê, nền đường, mặt đường.
- Thí nghiệm các chỉ tiêu đất trong phòng
- Kiểm định đánh giá chất lượng công trình và cấp chứng nhận sự phù hợp của công trình
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do giám đốc Công ty giao.

Điều 3 : Tổ chức bộ máy của Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình gồm:

- Một Trưởng phòng
- Số cán bộ công nhân viên của Phòng căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ để bố trí cho phù hợp.

Điều 4: Các Ông (bà) Trưởng phòng Thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình, và các cán bộ CNV có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 3.
- Các đơn vị trực thuộc Công ty.
- Lưu văn phòng Công ty.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XD CÔNG TRÌNH 79

M.S.D.N: 0109723550 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79 - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
Trịnh Văn Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KĐXD CÔNG TRÌNH 79 -----oo0oo----- *Số: 03/QĐCT-BNCB*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** -----oo0oo-----

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

(V/v: Bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng thí nghiệm)

- Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0109723550 đăng ký lần đầu, ngày 29 tháng 07 năm 2021, thay đổi lần 1 ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội
- Căn cứ vào điều lệ Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn kiểm định xây dựng công trình 79
- Căn cứ nhu cầu công tác và khả năng của cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay bổ nhiệm Ông **Trịnh Đình Vận** - Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng giữ chức Trưởng phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình từ ngày 02 tháng 01 năm 2025.

Điều 2: Trưởng phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình có quyền và nhiệm vụ sau:

- Tổ chức quản lý và điều hành hoạt động của Phòng Thí nghiệm chuyên nghành, thực hiện các nghiệp vụ kỹ thuật thử nghiệm theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Nhà nước qui định.
- Thực hiện mọi nhiệm vụ của Giám đốc Công ty giao.
- Được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo quy định của công ty.

Điều 3: Các ông Trưởng phòng Hành chính, Phòng thí nghiệm, các phòng ban, đơn vị có liên quan và ông **Trịnh Đình Vận** căn cứ quyết định thi hành./.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Các đơn vị trực thuộc Công ty;
- Lưu văn phòng Công ty.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XD CÔNG TRÌNH 79

M.S.D.N:0109723550 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79 THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

Trịnh Văn Thanh

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 09 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

(V/v Phân công công việc cho CBCNV)

- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Phòng thí nghiệm thuộc Công ty Cổ phần đầu tư và tư vấn kiểm định xây dựng công trình 79.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử các ông bà có tên sau đây tham gia thực hiện công việc tại Phòng thí nghiệm:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
01	Trịnh Đình Vận	Trưởng phòng Thí nghiệm	Phụ trách chung và thực hiện quản lý trực tiếp công tác thí nghiệm trong phòng và ngoài hiện trường
02	Nguyễn Thành Văn	Thí nghiệm viên	Thực hiện trực tiếp công tác thí nghiệm trong phòng và ngoài hiện trường
03	Nguyễn Huy Tuyền	Thí nghiệm viên	Thực hiện trực tiếp công tác thí nghiệm trong phòng và ngoài hiện trường
04	Phạm Ngọc Tuân	Thí nghiệm viên	Thực hiện trực tiếp công tác thí nghiệm trong phòng và ngoài hiện trường
05	Trần Trung Hiếu	Thí nghiệm viên	Thực hiện trực tiếp công tác thí nghiệm trong phòng và ngoài hiện trường
06	Ngô Tiến Huy	Thí nghiệm viên	Thực hiện trực tiếp công tác thí nghiệm trong phòng và ngoài hiện trường
07	Trịnh Minh Hội	Thí nghiệm viên	Thực hiện trực tiếp công tác thí nghiệm trong phòng và ngoài hiện trường

Điều 2. Các ông (bà) có tên nêu trên có trách nhiệm thực hiện công việc phân công tại phòng thí nghiệm.

Điều 3. Các ông (bà) Phòng Hành chính – kế toán, và các ông (bà) có tên nêu trên căn cứ Quyết định thi hành

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
-Lưu VP.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

M.S.D.N: 0109173556 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
Trịnh Văn Thanh

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

OF VIETNAM MARITIME UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

CIVIL ENGINEERING

Majoring in **Civil and Industrial Engineering**

Upon: Mr **TRINH DINH VAN**

Date of birth: 05 June 1984

Year of graduation: 2015

Degree classification: Ordinary

Mode of study: Part-time

Hai Phong, 02 February 2015

Reg. No:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

cấp

BẰNG KỸ SƯ

KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Chuyên ngành **Xây dựng dân dụng và công nghiệp**

Cho: Ông **TRỊNH ĐÌNH VẠN**

Ngày sinh: ngày 05 tháng 06 năm 1984

Năm tốt nghiệp: 2015

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình

Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

Hải Phòng, ngày 02 tháng 02 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

PGS.TS. Lương Công Nhớ

Số hiệu: 323647

Số vào sổ cấp bằng: 5277

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr/Mrs: TRINH DINH VAN
Has successfully passed Training Course on
Laboratory manager
In October 2021

Ref. N⁰:29418-A29420B/VNĐ-TNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **TRỊNH ĐÌNH VẠN**
Ngày sinh: 05 - 06 - 1984
Thường trú: Quảng Ninh

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

Quản lý phòng thí nghiệm

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 10 năm 2021

Kết quả học tập: **Đạt loại khá.**

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2021

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. Bạch Đình Thiên

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE RECTOR OF THE
HANOI UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING

has hereby conferred

CERTIFICATE



Upon Mr. TRINH DINH VAN
Born on 05 June 1984

For successful completion of the training course entitled
Laboratory Management in accordance with TCVN ISO/IEC 17025:2017
Held in March 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

cấp

CHỨNG NHẬN

Ông TRỊNH ĐÌNH VẬN
Sinh ngày 05 tháng 06 năm 1984
Đã hoàn thành Chương trình đào tạo ngắn hạn

Quản lý Phòng thí nghiệm
theo TCVN ISO/IEC 17025:2017
Khóa tháng 3 năm 2026

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

PGS.TS. Bùi Phú Doanh

Số: *0202/QLPTN2026-ĐHXDHN*
Số vào sổ cấp chứng nhận: *2026/CN/0967*

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. Trinh Dinh Van

Has successfully passed the Training Course on

Testing Methods for Determining the Physico-Mechanical Properties of Concrete and Building Materials

In June 2007

Ref. N°. 2144/2007/VKH -TNXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Trịnh Đình Vận**

Ngày sinh: **05/6/1984** *Quê quán:* **Thái Bình**

Cơ quan: Công ty CP Tư vấn chất lượng CT Xây dựng

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Phương pháp xác định các tính chất cơ lý Bê tông và Vật liệu Xây dựng

Thời gian tổ chức: Tháng 06 năm 2007

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2007

Viện trưởng

VIỆN KHCN XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

PGS., TS. Cao Duy Tiến

SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR INVESTMENT AND CONSTRUCTION
VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING ASSOCIATIONS



Chữ ký của người được cấp

Số hiệu chứng chỉ: ***201807007/VKHCN***

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM

CHỨNG NHẬN

Ông : **TRỊNH ĐÌNH VẠN**
Ngày sinh : 05 - 06 - 1984
Quê quán : Thái Bình
Đã tốt nghiệp khóa đào tạo về:

Thử nghiệm tính chất cơ lý của Bê tông nhựa

Do Viện Khoa Học Công Nghệ về Đầu Tư và Xây Dựng - Tổng Hội Xây Dựng Việt Nam tổ chức.
Thời gian đào tạo: Từ 02/04/2018 đến 09/04/2018
Kết quả học tập: **Khá**

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2018
P. VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG
GS.TSKH. Phùng Văn Lự

HANOI INSTITUTE OF CADRE TRAINING AND IMPROVEMENT
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI

Website: www.dtb.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ THÍ NGHIỆM VIÊN CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG



(Chữ ký của người được cấp)

Cấp cho Ông/ Bà: TRỊNH ĐÌNH VẬN

Sinh ngày: 05 - 06 - 1984

Quê quán: THÁI BÌNH

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:
Phương pháp thử các tính chất cơ - lý Vật liệu kim loại và Liên kết hàn.

Thời gian tổ chức: ***Tháng 06 năm 2014.***

Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2014

VIỆN TRƯỞNG

S.Đ.K.H.Đ - 0113016833 - C.T.C.P
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ HÀ NỘI - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ NỘI
HOÀNG MAI - TP. H...

Đào Tùng Bách

Số: QĐ 08/2014/TNV
Chứng chỉ này có giá trị đến ngày: 19/06/2019

SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR INVESTMENT AND CONSTRUCTION
VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING ASSOCIATIONS



Chữ ký của người được cấp

Số hiệu chứng chỉ: ***201705079/VKHCN***

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM

CHỨNG NHẬN

Ông : **TRỊNH ĐỊNH VẠN**
Ngày sinh : 05 - 06 - 1984
Quê quán : Thái Bình
Đã tốt nghiệp khóa đào tạo về:

Thí nghiệm kiểm tra tính toàn vẹn của cọc Bê tông cốt thép

Do Viện Khoa Học Công Nghệ về Đầu Tư và Xây Dựng - Tổng Hội Xây Dựng Việt Nam tổ chức.
Thời gian đào tạo: Từ 01/08/2017 đến 08/08/2017
Kết quả học tập: **Khá**

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017
KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

GS.TSKH. Phùng Văn Lự

CỤC GIÁM ĐỊNH NHÀ NƯỚC VỀ
CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
QUẢN LÝ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỨNG NHẬN
ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ

(Đề án "Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng ở Việt Nam")

Chứng nhận: Ông/Bà: ***Trịnh Đình Vận***

Ngày sinh: ***5/6/1984*** Nơi sinh: ***Thái Bình***

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm định chất lượng công trình xây dựng tại Quảng Ninh.

Lĩnh vực: Xây dựng dân dụng và Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016

GIÁM ĐỐC

BỘ XÂY DỰNG ★ CỤC GIÁM ĐỊNH NN VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ QUẢN LÝ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

Nguyễn Quang Hiệp

Số: 563/2016/CNBDNV-CDMI

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. **Nguyen Huy Tuyen**

Has successfully passed the Training Course on

Field and Laboratory Testing Methods for Determining the Physico-Mechanical Properties of Soils

In July + August 2008

Ref. N°. 3737/2008/VKH –TNXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Nguyễn Huy Tuyền**

Ngày sinh: **18/9/1983** - *Quê quán:* **Hải Dương**

Cơ quan: Công ty CP TN kiểm định công trình xây dựng

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Phương pháp xác định các tính chất cơ-lý của đất trong phòng và hiện trường

Thời gian: Từ ngày 09/7/2008 đến 01/8/ 2008

Tại: Viện KHCN Xây dựng

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2008

VIỆN TRƯỞNG

PGS. TS. Cao Duy Tiến

THE COLLEGE OF TRANSPORT





It is hereby certified that:

Mr: Nguyen Huy Tuyen

Has successfully passed Training Course on

Accessment of transport Construction quality

Including: Estate; Contruction materials;

Bitum and Atphan concrete

In February 2009

Final classification: **Good**

Ref. N°: 0071/310/QĐ-CĐGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ Quyết định số 1336/QĐ - BGTVT, ngày 13 tháng 5 năm 2008 của Bộ Giao thông vận tải về việc giao cho Trường Cao đẳng GTVT đào tạo ngắn hạn Thí nghiệm viên và Bồi dưỡng nghiệp vụ thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình giao thông.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI

CHỨNG NHẬN

Ông (Bà): **Nguyễn Huy Tuyền**

Sinh ngày: **18/09/1983**

Quê quán: **Hải Dương**

Đã hoàn thành chương trình đào tạo

Thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng công trình Giao thông

Gồm 3 lĩnh vực:

"Đất xây dựng; Vật liệu xây dựng; Bitum và Bêtông Atphan"

Khóa học: **Tháng 2 năm 2009** - Tốt nghiệp loại: **Khá**

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2009

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI

Đỗ Ngọc Viện

BỘ XÂY DỰNG
MINISTRY OF CONSTRUCTION
VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG
VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS

GIẤY CHỨNG NHẬN
CERTIFICATE

VIỆN TRƯỞNG VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG
PRESIDENT OF VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS

Công nhận học viên/ Certifies that: **NGUYỄN THÀNH VĂN**
Sinh ngày/ Date of birth: **13/02/1984**

Đã hoàn thành khóa học/ Has succesfully completed the training course

THÍ NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH VỀ VẬT LIỆU CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
MATERIALS TESTING AND INSPECTION FOR TRANSPORTATION PROJECTS

Thời gian/Time: Từ ngày/From **19/05/2022** đến ngày/to **03/06/2022**.

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2022
Hanoi, June 28th 2022

VIỆN TRƯỞNG
PRESIDENT

VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG

PGS.TS. Lê Trung Thành
Assoc. Prof. Dr. Le Trung Thanh

Theo Quyết định số 98A/QĐ – VLXD ngày 25 tháng 06 năm 2022
Pursuant to Decision No. 98A/ QĐ – VLXD dated June 25th, 2022

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

BẰNG NGHỀ

000949131

Số hiệu: */LĐTBXH - DN*



Chữ ký của người được cấp bằng

Vào sổ số: 19.784
Ngày ...05.. *tháng* .04. ..*năm* ..2008

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

HIỆU TRƯỞNG

Trường: Cao đẳng nghề Giao thông Vận tải Trung ương I

Cấp cho: **PHẠM NGỌC TUẤN**
Sinh ngày: 27/12/1988
Nguyên quán: *Tiên Lãng - Hải Phòng*
Nghề đào tạo: *Thí nghiệm vật liệu XDĐB*
Từ ngày ...../.09/06.đến ngày ...../..03./08..
Đạt trình độ thợ bậc: 3/7
Tốt nghiệp hạng: Trung bình khá
Theo quyết định số: 04/ĐT
Ngày ..05. tháng ..04..năm ...2008

Hà Tây ngày 5 tháng 4 năm 2008

Hiệu trưởng

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG I

Đào Văn Đường

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE RECTOR OF THE
HANOI UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING

has hereby conferred

CERTIFICATE



Upon Mr. TRAN TRUNG HIEU
Born on 07 November 1991

For successful completion of the training course entitled
Non-destructive testing of concrete
Held in May 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

cấp

CHỨNG NHẬN

Ông TRẦN TRUNG HIẾU
Sinh ngày 07 tháng 11 năm 1991

Đã hoàn thành Chương trình đào tạo ngắn hạn
Thí nghiệm bê tông bằng phương pháp không phá hủy
Khóa tháng 05 năm 2026

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2026
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

PGS.TS. Bùi Phú Doanh

Số: *0029/KPH2026-ĐHXDHN*
Số vào sổ cấp chứng nhận: *2026/CN/1001*

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE RECTOR OF THE
HANOI UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING

has hereby conferred

CERTIFICATE



Upon Mr. TRAN TRUNG HIEU
Born on 07 November 1991

For successful completion of the training course entitled

Testing of Materials for Transportation Works

Held in March 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

cấp

CHỨNG NHẬN

Ông TRẦN TRUNG HIẾU
Sinh ngày 07 tháng 11 năm 1991

Đã hoàn thành Chương trình đào tạo ngắn hạn

Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông

Khóa tháng 03 năm 2026

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2026
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

PGS.TS. Bùi Phú Doanh

Số: *0185/TNVL2026-ĐHXDHN*
Số vào sổ cấp chứng nhận: *2026/CN/0555*

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE RECTOR OF THE
HANOI UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING

has hereby conferred

CERTIFICATE



Upon Mr. TRAN TRUNG HIEU
Born on 07 November 1991

For successful completion of the training course entitled
Chemical analysis of aggregates and water used in concrete and mortar
Held in March 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

cấp

CHỨNG NHẬN

Ông TRẦN TRUNG HIẾU
Sinh ngày 07 tháng 11 năm 1991

Đã hoàn thành Chương trình đào tạo ngắn hạn
Phân tích hoá học cốt liệu và nước dùng cho vữa và bê tông
Khóa tháng 03 năm 2026

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2026
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

PGS.TS. Bùi Phú Doanh

Số: *0050/HH2026-ĐHXDHN*
Số vào sổ cấp chứng nhận: *2026/CN/0393*

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE RECTOR OF THE
HANOI UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING

has hereby conferred

CERTIFICATE



Upon Mr. NGO TIEN HUY
Born on 01 May 1991

For successful completion of the training course entitled
Testing of Materials for Transportation Works
Held in May 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

cấp

CHỨNG NHẬN

Ông NGÔ TIẾN HUY
Sinh ngày 01 tháng 05 năm 1991

Đã hoàn thành Chương trình đào tạo ngắn hạn
Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông
Khóa tháng 05 năm 2026

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2026
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

PGS.TS. Bùi Phú Doanh

Số: *0359/TNVL2026-ĐHXDHN*
Số vào sổ cấp chứng nhận: *2026/CN/1137*

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE RECTOR OF THE
HANOI UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING

has hereby conferred

CERTIFICATE



Upon Mr. NGO TIEN HUY
Born on 01 May 1991

For successful completion of the training course entitled
Electrical conductor testing
and ground resistance measurement
Held in July 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI

cấp

CHỨNG NHẬN

Ông NGÔ TIẾN HUY
Sinh 01 tháng 05 năm 1991

Đã hoàn thành Chương trình đào tạo ngắn hạn
Thí nghiệm dây dẫn điện
và phương pháp đo điện trở tiếp địa
Khóa tháng 7 năm 2026

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2026
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Bùi Phú Doanh

Số: 0056/DTR2026-ĐHXDHN
Số vào sổ cấp chứng nhận: *2026/CN/1628*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Số: 01/HĐLĐ/2022

Căn cứ Bộ Luật lao động 2019 & các Nghị định hướng dẫn thi hành;

Căn cứ vào năng lực, nhu cầu và thoả thuận của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 12 năm 2022, tại Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn kiểm định xây dựng công trình 79, chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Đại diện: Ông Trịnh Văn Thanh Chức vụ: Giám đốc

MST: 0109723550

Địa chỉ: Đội 15, thôn Khoan Tế, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Bên B: Người lao động

Họ và tên: Nguyễn Thành Văn

Sinh ngày: 13/02/1984 Giới tính: Nam

Số CCCD: 031084011282

Nơi cấp: Cục CS

Địa chỉ: Hạ Long, Quảng Ninh

Cùng thoả thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Nội dung công việc

Bên A hợp đồng thuê bên B làm Thí nghiệm viên - Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn kiểm định xây dựng công trình 79 (sau đây gọi tắt là Công ty).

Địa điểm làm việc: Tại trụ sở công ty hoặc các địa điểm khác theo sự phân công, điều động của cấp trên.

Điều 2: Thời hạn hợp đồng

- Loại hợp đồng: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn.
- Ngày bắt đầu làm việc: ngày 01/12/2022

Điều 3: Thời gian làm việc

- Thời gian làm việc: 8 giờ/ngày.

- Đối với người lao động làm công việc đặc thù, thời giờ làm việc có thể thay đổi và theo sự phân công của Trưởng bộ phận và Ban lãnh đạo công ty.
- Thời gian nghỉ lễ, Tết, nghỉ phép năm theo Bộ luật Lao động và nội quy công ty.

Điều 4: Chế độ lương, thưởng, phụ cấp

- Mức lương cơ bản: Tuỳ theo sự thoả thuận của hai bên
- Phụ cấp: Thực hiện theo quy định của Công ty.
- Hình thức, phương thức trả lương: Bên A thanh toán tiền lương, thưởng cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Thời gian: Trả lương vào ngày 05-10 hàng tháng qua tài khoản ngân hàng hoặc trả trực tiếp bằng tiền mặt.

Điều 5: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. *Nghĩa vụ:*

- Tuân thủ hợp đồng lao động đã ký kết;
- Hoàn thành công việc được giao và sẵn sàng chấp nhận mọi sự điều động khi có yêu cầu;
- Không được giao cho người khác thực hiện thay công việc nếu không có sự đồng ý của bên A;
- Bên B phải có ý thức về an toàn lao động. Mọi rủi ro trong giờ làm việc và ngoài giờ làm việc do lỗi của bên B gây ra phải tự chịu hoàn toàn trách nhiệm, đồng thời bồi thường cho bên A nếu có thiệt hại thực tế xảy ra. Mức bồi thường do hai bên thoả thuận.
- Thực hiện nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật.

2. *Quyền lợi:*

- Nhận lương như Điều 4, theo định kỳ phát lương chung của nhân viên Công ty.
- Được đóng BHXH-BHYT theo thoả thuận phù hợp với qui định của pháp luật có liên quan.
- Được thanh toán đầy đủ các khoản lương, thưởng và các khoản thu khác khi hết hợp đồng hoặc Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng..
- Được thông báo trước về việc chấm dứt hợp đồng lao động trước 15 ngày hoặc có thể bên A sẽ không thông báo và cho nghỉ việc luôn nếu như bên A cố tình không nghe theo sự chỉ đạo, phân công công việc của ban Quản lý Công ty.

Điều 6: Nghĩa vụ và quyền của người sử dụng lao động

1. **Nghĩa vụ:**

- Thanh toán lương đầy đủ và đúng hạn;
- Đóng BHXH - BHYT cho ngường lao động theo thoả thuận phù hợp với qui định pháp luật có liên quan.
- Tiếp tục đào tạo, tạo điều kiện cho người lao động học tập nâng cao tay nghề để làm tốt công việc và hòa nhập tốt vào môi trường làm việc;
- Thông báo trước cho người lao động về việc chấm dứt hợp đồng lao động trước 15 ngày đối với hợp đồng đến hạn và trước 30 ngày đối với đơn phương chấm dứt hợp đồng.

2. *Quyền:*

- Điều động, luân chuyển, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật hoặc chấm dứt hợp đồng;
- Yêu cầu làm tốt và hiệu quả công việc;
- Yêu cầu bảo mật thông tin;

Điều 7: Bảo mật thông tin

- Bên B có nghĩa vụ bảo mật các thông tin về khách hàng, hoạt động kinh doanh, bí quyết công nghệ, bí quyết kinh doanh của bên A, không được tiết lộ cho bên thứ 3 được biết trong quá trình thực hiện hợp đồng và kể cả khi hai bên đã chấm dứt hợp đồng;

Điều 8: Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng được ký kết giữa các bên chấm dứt khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Các bên đã hoàn thành nghĩa vụ của mình và không có bất kỳ thỏa thuận nào khác
- Theo thỏa thuận của các bên;
- Một trong các bên vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của hợp đồng và bên còn lại gửi thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng;
- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9: Giải quyết tranh chấp

- Trong trường hợp có bất kỳ sự việc nào phát sinh mà không được các bên thỏa thuận trong hợp đồng này thì được thực hiện theo quy định của pháp luật.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu xảy ra tranh chấp các bên sẽ tiến hành giải quyết tranh chấp bằng phương thức thương lượng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu không thể giải quyết bằng thương lượng, một trong các bên có thể đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 10: Điều khoản thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm các bên cùng ký
- Hợp đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu Hai Bên cùng thỏa thuận thống nhất bằng văn bản;
- Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.

NGƯỜI LAO ĐỘNG	**NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
Nguyễn Thành Văn	**Trịnh Văn Thanh**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Số: 02/HĐLĐ/2022

Căn cứ Bộ Luật lao động 2019 & các Nghị định hướng dẫn thi hành;

Căn cứ vào năng lực, nhu cầu và thoả thuận của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 12 năm 2022, tại Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn kiểm định xây dựng công trình 79, chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Đại diện: Ông Trịnh Văn Thanh Chức vụ: Giám đốc

MST: 0109723550

Địa chỉ: Đội 15, thôn Khoan Tế, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Bên B: Người lao động

Họ và tên: Nguyễn Huy Tuyền

Sinh ngày: 18/09/1983 Giới tính: Nam

Số CCCD: 030083015168

Nơi cấp: Cục CS

Địa chỉ: Hạ Long, Quảng Ninh

Cùng thoả thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Nội dung công việc

Bên A hợp đồng thuê bên B làm Thí nghiệm viên - Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn kiểm định xây dựng công trình 79 (sau đây gọi tắt là Công ty).

Địa điểm làm việc: Tại trụ sở công ty hoặc các địa điểm khác theo sự phân công, điều động của cấp trên.

Điều 2: Thời hạn hợp đồng

- Loại hợp đồng: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn.
- Ngày bắt đầu làm việc: ngày 01/12/2022

Điều 3: Thời gian làm việc

- Thời gian làm việc: 8 giờ/ngày.

- Đối với người lao động làm công việc đặc thù, thời giờ làm việc có thể thay đổi và theo sự phân công của Trưởng bộ phận và Ban lãnh đạo công ty.
- Thời gian nghỉ lễ, Tết, nghỉ phép năm theo Bộ luật Lao động và nội quy công ty.

Điều 4: Chế độ lương, thưởng, phụ cấp

- Mức lương cơ bản: Tuỳ theo sự thoả thuận của hai bên
- Phụ cấp: Thực hiện theo quy định của Công ty.
- Hình thức, phương thức trả lương: Bên A thanh toán tiền lương, thưởng cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Thời gian: Trả lương vào ngày 05-10 hàng tháng qua tài khoản ngân hàng hoặc trả trực tiếp bằng tiền mặt.

Điều 5: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. ***Nghĩa vụ:***

- Tuân thủ hợp đồng lao động đã ký kết;
- Hoàn thành công việc được giao và sẵn sàng chấp nhận mọi sự điều động khi có yêu cầu;
- Không được giao cho người khác thực hiện thay công việc nếu không có sự đồng ý của bên A;
- Bên B phải có ý thức về an toàn lao động. Mọi rủi ro trong giờ làm việc và ngoài giờ làm việc do lỗi của bên B gây ra phải tự chịu hoàn toàn trách nhiệm, đồng thời bồi thường cho bên A nếu có thiệt hại thực tế xảy ra. Mức bồi thường do hai bên thoả thuận.
- Thực hiện nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật.

2. ***Quyền lợi:***

- Nhận lương như Điều 4, theo định kỳ phát lương chung của nhân viên Công ty.
- Được đóng BHXH-BHYT theo thoả thuận phù hợp với qui định của pháp luật có liên quan.
- Được thanh toán đầy đủ các khoản lương, thưởng và các khoản thu khác khi hết hợp đồng hoặc Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng..
- Được thông báo trước về việc chấm dứt hợp đồng lao động trước 15 ngày hoặc có thể bên A sẽ không thông báo và cho nghỉ việc luôn nếu như bên A cố tình không nghe theo sự chỉ đạo, phân công công việc của ban Quản lý Công ty.

Điều 6: Nghĩa vụ và quyền của người sử dụng lao động

1. **Nghĩa vụ:**

- Thanh toán lương đầy đủ và đúng hạn;
- Đóng BHXH - BHYT cho ngường lao động theo thoả thuận phù hợp với qui định pháp luật có liên quan.
- Tiếp tục đào tạo, tạo điều kiện cho người lao động học tập nâng cao tay nghề để làm tốt công việc và hòa nhập tốt vào môi trường làm việc;
- Thông báo trước cho người lao động về việc chấm dứt hợp đồng lao động trước 15 ngày đối với hợp đồng đến hạn và trước 30 ngày đối với đơn phương chấm dứt hợp đồng.

2. *Quyền:*

- Điều động, luân chuyển, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật hoặc chấm dứt hợp đồng;
- Yêu cầu làm tốt và hiệu quả công việc;
- Yêu cầu bảo mật thông tin;

Điều 7: Bảo mật thông tin

- Bên B có nghĩa vụ bảo mật các thông tin về khách hàng, hoạt động kinh doanh, bí quyết công nghệ, bí quyết kinh doanh của bên A, không được tiết lộ cho bên thứ 3 được biết trong quá trình thực hiện hợp đồng và kể cả khi hai bên đã chấm dứt hợp đồng;

Điều 8: Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng được ký kết giữa các bên chấm dứt khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Các bên đã hoàn thành nghĩa vụ của mình và không có bất kỳ thỏa thuận nào khác
- Theo thỏa thuận của các bên;
- Một trong các bên vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của hợp đồng và bên còn lại gửi thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng;
- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9: Giải quyết tranh chấp

- Trong trường hợp có bất kỳ sự việc nào phát sinh mà không được các bên thỏa thuận trong hợp đồng này thì được thực hiện theo quy định của pháp luật.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu xảy ra tranh chấp các bên sẽ tiến hành giải quyết tranh chấp bằng phương thức thương lượng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu không thể giải quyết bằng thương lượng, một trong các bên có thể đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 10: Điều khoản thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm các bên cùng ký
- Hợp đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu Hai Bên cùng thỏa thuận thống nhất bằng văn bản;
- Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.

NGƯỜI LAO ĐỘNG	**NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
Tuyên	M.S.D.N: 0109723558 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79 THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Nguyễn Huy Tuyền	**Trịnh Văn Thanh**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Số: 04/HĐLĐ/2022

Căn cứ Bộ Luật lao động 2019 & các Nghị định hướng dẫn thi hành;

Căn cứ vào năng lực, nhu cầu và thoả thuận của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 12 năm 2022, tại Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn kiểm định xây dựng công trình 79, chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Đại diện: Ông Trịnh Văn Thanh Chức vụ: Giám đốc

MST: 0109723550

Địa chỉ: Đội 15, thôn Khoan Tế, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Bên B: Người lao động

Họ và tên: Trịnh Đình Vận

Sinh ngày: 05/06/1984 Giới tính: Nam

Số CCCD: 034084016705

Nơi cấp: Cục CS

Địa chỉ: Hạ Long, Quảng Ninh

Cùng thoả thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Nội dung công việc

Bên A hợp đồng thuê bên B làm Trưởng phòng thí nghiệm - Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn kiểm định xây dựng công trình 79 (sau đây gọi tắt là Công ty).

Địa điểm làm việc: Tại trụ sở công ty hoặc các địa điểm khác theo sự phân công, điều động của cấp trên.

Điều 2: Thời hạn hợp đồng

- Loại hợp đồng: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn.
- Ngày bắt đầu làm việc: ngày 01/12/2022

Điều 3: Thời gian làm việc

- Thời gian làm việc: 8 giờ/ngày.

- Đối với người lao động làm công việc đặc thù, thời giờ làm việc có thể thay đổi và theo sự phân công của Trưởng bộ phận và Ban lãnh đạo công ty.
- Thời gian nghỉ lễ, Tết, nghỉ phép năm theo Bộ luật Lao động và nội quy công ty.

Điều 4: Chế độ lương, thưởng, phụ cấp

- Mức lương cơ bản: Tuỳ theo sự thoả thuận của hai bên
- Phụ cấp: Thực hiện theo quy định của Công ty.
- Hình thức, phương thức trả lương: Bên A thanh toán tiền lương, thưởng cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Thời gian: Trả lương vào ngày 05-10 hàng tháng qua tài khoản ngân hàng hoặc trả trực tiếp bằng tiền mặt.

Điều 5: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. *Nghĩa vụ:*

- Tuân thủ hợp đồng lao động đã ký kết;
- Hoàn thành công việc được giao và sẵn sàng chấp nhận mọi sự điều động khi có yêu cầu;
- Không được giao cho người khác thực hiện thay công việc nếu không có sự đồng ý của bên A;
- Bên B phải có ý thức về an toàn lao động. Mọi rủi ro trong giờ làm việc và ngoài giờ làm việc do lỗi của bên B gây ra phải tự chịu hoàn toàn trách nhiệm, đồng thời bồi thường cho bên A nếu có thiệt hại thực tế xảy ra. Mức bồi thường do hai bên thoả thuận.
- Thực hiện nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật.

2. *Quyền lợi:*

- Nhận lương như Điều 4, theo định kỳ phát lương chung của nhân viên Công ty.
- Được đóng BHXH-BHYT theo thoả thuận phù hợp với qui định của pháp luật có liên quan.
- Được thanh toán đầy đủ các khoản lương, thưởng và các khoản thu khác khi hết hợp đồng hoặc Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng..
- Được thông báo trước về việc chấm dứt hợp đồng lao động trước 15 ngày hoặc có thể bên A sẽ không thông báo và cho nghỉ việc luôn nếu như bên A cố tình không nghe theo sự chỉ đạo, phân công công việc của ban Quản lý Công ty.

Điều 6: Nghĩa vụ và quyền của người sử dụng lao động

1. **Nghĩa vụ:**

- Thanh toán lương đầy đủ và đúng hạn;
- Đóng BHXH - BHYT cho ngường lao động theo thoả thuận phù hợp với qui định pháp luật có liên quan.
- Tiếp tục đào tạo, tạo điều kiện cho người lao động học tập nâng cao tay nghề để làm tốt công việc và hòa nhập tốt vào môi trường làm việc;
- Thông báo trước cho người lao động về việc chấm dứt hợp đồng lao động trước 15 ngày đối với hợp đồng đến hạn và trước 30 ngày đối với đơn phương chấm dứt hợp đồng.

2. *Quyền:*

- Điều động, luân chuyển, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật hoặc chấm dứt hợp đồng;
- Yêu cầu làm tốt và hiệu quả công việc;
- Yêu cầu bảo mật thông tin;

Điều 7: Bảo mật thông tin

- Bên B có nghĩa vụ bảo mật các thông tin về khách hàng, hoạt động kinh doanh, bí quyết công nghệ, bí quyết kinh doanh của bên A, không được tiết lộ cho bên thứ 3 được biết trong quá trình thực hiện hợp đồng và kể cả khi hai bên đã chấm dứt hợp đồng;

Điều 8: Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng được ký kết giữa các bên chấm dứt khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Các bên đã hoàn thành nghĩa vụ của mình và không có bất kỳ thỏa thuận nào khác
- Theo thỏa thuận của các bên;
- Một trong các bên vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của hợp đồng và bên còn lại gửi thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng;
- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9: Giải quyết tranh chấp

- Trong trường hợp có bất kỳ sự việc nào phát sinh mà không được các bên thỏa thuận trong hợp đồng này thì được thực hiện theo quy định của pháp luật.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu xảy ra tranh chấp các bên sẽ tiến hành giải quyết tranh chấp bằng phương thức thương lượng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu không thể giải quyết bằng thương lượng, một trong các bên có thể đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 10: Điều khoản thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm các bên cùng ký
- Hợp đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu Hai Bên cùng thỏa thuận thống nhất bằng văn bản;
- Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.

NGƯỜI LAO ĐỘNG	**NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
Trịnh Đình Vận	**Trịnh Văn Thanh**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
Số: 12/HĐLĐ/2025

Căn cứ Bộ Luật lao động 2019 & các Nghị định hướng dẫn thi hành;

Căn cứ vào năng lực, nhu cầu và thoả thuận của hai bên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn kiểm định xây dựng công trình 79, chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Đại diện: Ông Trịnh Văn Thanh Chức vụ: Giám đốc

MST: 0109723550

Địa chỉ: Đội 15, thôn Khoan Tế, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Bên B: Người lao động

Họ và tên: Trần Trung Hiếu

Sinh ngày: 07/11/1991 Giới tính: Nam

Số CCCD: 022091005168

Nơi cấp: Cục CS

Địa chỉ: Phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh

Cùng thoả thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Nội dung công việc

Bên A hợp đồng thuê bên B làm Thí nghiệm viên - Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn kiểm định xây dựng công trình 79 (sau đây gọi tắt là Công ty).

Địa điểm làm việc: Tại trụ sở công ty hoặc các địa điểm khác theo sự phân công, điều động của cấp trên.

Điều 2: Thời hạn hợp đồng

- Loại hợp đồng: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn.
- Ngày bắt đầu làm việc: ngày 15/12/2025

Điều 3: Thời gian làm việc

- Thời gian làm việc: 8 giờ/ngày.
- Đối với người lao động làm công việc đặc thù, thời giờ làm việc có thể thay đổi và theo sự phân công của Trưởng bộ phận và Ban lãnh đạo công ty.

- Thời gian nghỉ lễ, Tết, nghỉ phép năm theo Bộ luật Lao động và nội quy công ty.

Điều 4: Chế độ lương, thưởng, phụ cấp

- Mức lương cơ bản: Tuỳ theo sự thoả thuận của hai bên
- Phụ cấp: Thực hiện theo quy định của Công ty.
- Hình thức, phương thức trả lương: Bên A thanh toán tiền lương, thưởng cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Thời gian: Trả lương vào ngày 05-10 hàng tháng qua tài khoản ngân hàng hoặc trả trực tiếp bằng tiền mặt.

Điều 5: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. *Nghĩa vụ:*

- Tuân thủ hợp đồng lao động đã ký kết;
- Hoàn thành công việc được giao và sẵn sàng chấp nhận mọi sự điều động khi có yêu cầu;
- Không được giao cho người khác thực hiện thay công việc nếu không có sự đồng ý của bên A;
- Bên B phải có ý thức về an toàn lao động. Mọi rủi ro trong giờ làm việc và ngoài giờ làm việc do lỗi của bên B gây ra phải tự chịu hoàn toàn trách nhiệm, đồng thời bồi thường cho bên A nếu có thiệt hại thực tế xảy ra. Mức bồi thường do hai bên thoả thuận.
- Thực hiện nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật.

2. *Quyền lợi:*

- Nhận lương như Điều 4, theo định kỳ phát lương chung của nhân viên Công ty.
- Được đóng BHXH-BHYT theo thoả thuận phù hợp với qui định của pháp luật có liên quan.
- Được thanh toán đầy đủ các khoản lương, thưởng và các khoản thu khác khi hết hợp đồng hoặc Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng..
- Được thông báo trước về việc chấm dứt hợp đồng lao động trước 15 ngày hoặc có thể bên A sẽ không thông báo và cho nghỉ việc luôn nếu như bên A cố tình không nghe theo sự chỉ đạo, phân công công việc của ban Quản lý Công ty.

Điều 6: Nghĩa vụ và quyền của người sử dụng lao động

1. **Nghĩa vụ:**

- Thanh toán lương đầy đủ và đúng hạn;
- Đóng BHXH - BHYT cho ngường lao động theo thoả thuận phù hợp với qui định pháp luật có liên quan.
- Tiếp tục đào tạo, tạo điều kiện cho người lao động học tập nâng cao tay nghề để làm tốt công việc và hòa nhập tốt vào môi trường làm việc;
- Thông báo trước cho người lao động về việc chấm dứt hợp đồng lao động trước 15 ngày đối với hợp đồng đến hạn và trước 30 ngày đối với đơn phương chấm dứt hợp đồng.

2. *Quyền:*

- Điều động, luân chuyển, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật hoặc chấm dứt hợp đồng;
- Yêu cầu làm tốt và hiệu quả công việc;

- Yêu cầu bảo mật thông tin;

Điều 7: Bảo mật thông tin

- Bên B có nghĩa vụ bảo mật các thông tin về khách hàng, hoạt động kinh doanh, bí quyết công nghệ, bí quyết kinh doanh của bên A, không được tiết lộ cho bên thứ 3 được biết trong quá trình thực hiện hợp đồng và kể cả khi hai bên đã chấm dứt hợp đồng;

Điều 8: Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng được ký kết giữa các bên chấm dứt khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Các bên đã hoàn thành nghĩa vụ của mình và không có bất kỳ thỏa thuận nào khác
- Theo thỏa thuận của các bên;
- Một trong các bên vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của hợp đồng và bên còn lại gửi thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng;
- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9: Giải quyết tranh chấp

- Trong trường hợp có bất kỳ sự việc nào phát sinh mà không được các bên thỏa thuận trong hợp đồng này thì được thực hiện theo quy định của pháp luật.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu xảy ra tranh chấp các bên sẽ tiến hành giải quyết tranh chấp bằng phương thức thương lượng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu không thể giải quyết bằng thương lượng, một trong các bên có thể đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 10: Điều khoản thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm các bên cùng ký
- Hợp đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu Hai Bên cùng thỏa thuận thống nhất bằng văn bản;
- Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.

NGƯỜI LAO ĐỘNG	**NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
	M.S.D.N: 0109723550 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79 - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Trần Trung Hiếu	**Trịnh Văn Thanh**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
Số: 56/HĐLĐ/2026

Căn cứ Bộ Luật lao động 2019 & các Nghị định hướng dẫn thi hành;

Căn cứ vào năng lực, nhu cầu và thoả thuận của hai bên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 03 năm 2026, tại Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn kiểm định xây dựng công trình 79, chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Đại diện: Ông Trịnh Văn Thanh Chức vụ: Giám đốc

MST: 0109723550

Địa chỉ: Đội 15, thôn Khoan Tế, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Bên B: Người lao động

Họ và tên: Ngô Tiến Huy

Sinh ngày: 01/05/1991 Giới tính: Nam

Số CCCD: 022091001859

Nơi cấp: Cục CS

Địa chỉ: Phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh

Cùng thoả thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Nội dung công việc

Bên A hợp đồng thuê bên B làm Thí nghiệm viên - Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn kiểm định xây dựng công trình 79 (sau đây gọi tắt là Công ty).

Địa điểm làm việc: Tại trụ sở công ty hoặc các địa điểm khác theo sự phân công, điều động của cấp trên.

Điều 2: Thời hạn hợp đồng

- Loại hợp đồng: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn.
- Ngày bắt đầu làm việc: ngày 15/03/2026

Điều 3: Thời gian làm việc

- Thời gian làm việc: 8 giờ/ngày.
- Đối với người lao động làm công việc đặc thù, thời giờ làm việc có thể thay đổi và theo sự phân công của Trưởng bộ phận và Ban lãnh đạo công ty.

- Thời gian nghỉ lễ, Tết, nghỉ phép năm theo Bộ luật Lao động và nội quy công ty.

Điều 4: Chế độ lương, thưởng, phụ cấp

- Mức lương cơ bản: Tuỳ theo sự thoả thuận của hai bên
- Phụ cấp: Thực hiện theo quy định của Công ty.
- Hình thức, phương thức trả lương: Bên A thanh toán tiền lương, thưởng cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Thời gian: Trả lương vào ngày 05-10 hàng tháng qua tài khoản ngân hàng hoặc trả trực tiếp bằng tiền mặt.

Điều 5: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. *Nghĩa vụ:*

- Tuân thủ hợp đồng lao động đã ký kết;
- Hoàn thành công việc được giao và sẵn sàng chấp nhận mọi sự điều động khi có yêu cầu;
- Không được giao cho người khác thực hiện thay công việc nếu không có sự đồng ý của bên A;
- Bên B phải có ý thức về an toàn lao động. Mọi rủi ro trong giờ làm việc và ngoài giờ làm việc do lỗi của bên B gây ra phải tự chịu hoàn toàn trách nhiệm, đồng thời bồi thường cho bên A nếu có thiệt hại thực tế xảy ra. Mức bồi thường do hai bên thoả thuận.
- Thực hiện nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật.

2. *Quyền lợi:*

- Nhận lương như Điều 4, theo định kỳ phát lương chung của nhân viên Công ty.
- Được đóng BHXH-BHYT theo thoả thuận phù hợp với qui định của pháp luật có liên quan.
- Được thanh toán đầy đủ các khoản lương, thưởng và các khoản thu khác khi hết hợp đồng hoặc Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng..
- Được thông báo trước về việc chấm dứt hợp đồng lao động trước 15 ngày hoặc có thể bên A sẽ không thông báo và cho nghỉ việc luôn nếu như bên A cố tình không nghe theo sự chỉ đạo, phân công công việc của ban Quản lý Công ty.

Điều 6: Nghĩa vụ và quyền của người sử dụng lao động

1. **Nghĩa vụ:**

- Thanh toán lương đầy đủ và đúng hạn;
- Đóng BHXH - BHYT cho ngường lao động theo thoả thuận phù hợp với qui định pháp luật có liên quan.
- Tiếp tục đào tạo, tạo điều kiện cho người lao động học tập nâng cao tay nghề để làm tốt công việc và hòa nhập tốt vào môi trường làm việc;
- Thông báo trước cho người lao động về việc chấm dứt hợp đồng lao động trước 15 ngày đối với hợp đồng đến hạn và trước 30 ngày đối với đơn phương chấm dứt hợp đồng.

2. *Quyền:*

- Điều động, luân chuyển, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật hoặc chấm dứt hợp đồng;
- Yêu cầu làm tốt và hiệu quả công việc;

- Yêu cầu bảo mật thông tin;

Điều 7: Bảo mật thông tin

- Bên B có nghĩa vụ bảo mật các thông tin về khách hàng, hoạt động kinh doanh, bí quyết công nghệ, bí quyết kinh doanh của bên A, không được tiết lộ cho bên thứ 3 được biết trong quá trình thực hiện hợp đồng và kể cả khi hai bên đã chấm dứt hợp đồng;

Điều 8: Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng được ký kết giữa các bên chấm dứt khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Các bên đã hoàn thành nghĩa vụ của mình và không có bất kỳ thỏa thuận nào khác
- Theo thỏa thuận của các bên;
- Một trong các bên vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của hợp đồng và bên còn lại gửi thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng;
- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9: Giải quyết tranh chấp

- Trong trường hợp có bất kỳ sự việc nào phát sinh mà không được các bên thỏa thuận trong hợp đồng này thì được thực hiện theo quy định của pháp luật.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu xảy ra tranh chấp các bên sẽ tiến hành giải quyết tranh chấp bằng phương thức thương lượng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu không thể giải quyết bằng thương lượng, một trong các bên có thể đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 10: Điều khoản thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm các bên cùng ký
- Hợp đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu Hai Bên cùng thỏa thuận thống nhất bằng văn bản;
- Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.

NGƯỜI LAO ĐỘNG *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
Ngô Tiến Huy	**Trịnh Văn Thanh**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CỘNG TÁC VIÊN
Số: 56/HĐLĐ/2026

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành còn hiệu lực;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

Căn cứ nhu cầu, năng lực và sự thỏa thuận của hai bên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 03 năm 2026, tại Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn kiểm định xây dựng công trình 79, chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Đại diện: Ông Trịnh Văn Thanh Chức vụ: Giám đốc

MST: 0109723550

Địa chỉ: Đội 15, thôn Khoan Tế, Xã Bát Tràng, thành phố Hà Nội

Bên B: CỘNG TÁC VIÊN

Họ và tên: Trịnh Minh Hội

Sinh ngày: 27/03/1976 Giới tính: Nam

Số CCCD: 022091001859 Cấp ngày: 18/05/2023

Nơi cấp: Cục CS

Địa chỉ: Phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng cộng tác viên với các điều khoản sau::

ĐIỀU 1. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

- Bên A giao cho Bên B thực hiện công việc cộng tác liên quan đến hoạt động thí nghiệm, kiểm định và tư vấn xây dựng theo từng công trình, nhiệm vụ cụ thể.
- Phạm vi công việc của Bên B có thể bao gồm:
- Thực hiện lấy mẫu, tiếp nhận, bảo quản mẫu theo yêu cầu;
- Thực hiện các phép thử/thí nghiệm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn và phương pháp thử được Bên A giao;
- Thực hiện công tác thí nghiệm hiện trường;
- Hỗ trợ kiểm tra, đo đạc, ghi chép số liệu hiện trường;
- Lập phiếu ghi nhận kết quả, nhật ký thí nghiệm và các biểu mẫu kỹ thuật;
- Hỗ trợ tổng hợp số liệu phục vụ lập báo cáo kết quả thí nghiệm/kiểm định;
- Thực hiện các công việc kỹ thuật khác phù hợp với chuyên môn theo yêu cầu của Bên A.

- Đối với từng công trình, Bên A có thể giao việc bằng văn bản, email, tin nhắn hoặc phiếu giao việc, trong đó xác định rõ nội dung, địa điểm, thời gian thực hiện và yêu cầu kỹ thuật.

- Bên B chỉ được thực hiện các công việc phù hợp với chuyên môn, năng lực và phạm vi công việc được Bên A giao.

ĐIỀU 2. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN

- Thời gian thực hiện công việc được xác định theo từng nhiệm vụ hoặc từng công trình.

- Địa điểm thực hiện: tại phòng thí nghiệm, hiện trường công trình hoặc địa điểm khác theo yêu cầu thực tế của từng công việc.

- Bên B chủ động bố trí thời gian phù hợp để hoàn thành công việc được giao nhưng phải bảo đảm đúng tiến độ đã thống nhất với Bên A.

ĐIỀU 3. YÊU CẦU VỀ CHUYÊN MÔN VÀ CHẤT LƯỢNG CÔNG VIỆC

1. Bên B cam kết có đủ kiến thức, kinh nghiệm và/hoặc chuyên môn phù hợp với công việc được giao.

2. Bên B có trách nhiệm thực hiện công việc đúng:

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành;
- Phương pháp thử được áp dụng;
- Quy trình kỹ thuật của Bên A;
- Yêu cầu của hồ sơ, hợp đồng và nhiệm vụ được giao.

3. Bên B phải ghi chép trung thực, đầy đủ các số liệu, hiện tượng và kết quả thực tế trong quá trình thực hiện công việc.

4. Nghiêm cấm việc tự ý sửa chữa, thay đổi, bổ sung hoặc làm sai lệch số liệu thí nghiệm, hồ sơ kỹ thuật và kết quả thực tế.

5. Trường hợp phát hiện sai sót hoặc bất thường trong quá trình thực hiện, Bên B phải thông báo ngay cho người phụ trách của Bên A để xử lý.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

- Cung cấp cho Bên B các thông tin, tài liệu và yêu cầu kỹ thuật cần thiết để thực hiện công việc.

- Hướng dẫn Bên B về nội dung, phương pháp và yêu cầu của từng nhiệm vụ.

- Bố trí hoặc cung cấp các thiết bị, dụng cụ cần thiết theo thỏa thuận của từng công việc.

- Kiểm tra, nghiệm thu kết quả công việc do Bên B thực hiện.

- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn khoản thù lao cộng tác viên theo Điều 6 của Hợp đồng.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B

- Thực hiện đúng nội dung công việc, tiến độ và yêu cầu kỹ thuật được Bên A giao.

- Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các số liệu do mình trực tiếp thực hiện và ghi nhận.

- Có trách nhiệm bảo quản thiết bị, dụng cụ, tài liệu và hồ sơ được Bên A giao.

- Không được tự ý đưa thiết bị, tài liệu, hồ sơ hoặc mẫu thử của Bên A ra khỏi nơi làm việc nếu chưa được Bên A đồng ý.

- Không được tự ý nhân danh Bên A để ký kết hợp đồng, giao dịch, cam kết với khách hàng hoặc bên thứ ba.

- Không được tự ý phát hành, cung cấp hoặc công bố kết quả thí nghiệm, báo cáo kiểm định, hồ sơ kỹ thuật của Bên A cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào nếu chưa được Bên A cho phép.

- Giữ bí mật các thông tin liên quan đến khách hàng, công trình, hồ sơ, số liệu, phương pháp kỹ thuật và hoạt động kinh doanh của Bên A.

- Chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do lỗi cố ý hoặc lỗi của Bên B gây ra trong quá trình thực hiện công việc theo quy định của pháp luật và thỏa thuận tại Hợp đồng này.

ĐIỀU 6. THÙ LAO VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Mức thù lao cộng tác viên được hai bên thỏa thuận theo từng công việc, công trình hoặc khối lượng thực tế hoàn thành.

2. Mức thù lao cụ thể có thể được xác định tại:

- Phiếu giao việc;
- Phụ lục hợp đồng;
- Biên bản nghiệm thu khối lượng;
- Hoặc văn bản/thỏa thuận khác giữa hai bên.

3. Bên A thanh toán cho Bên B sau khi Bên B hoàn thành công việc và được Bên A nghiệm thu, xác nhận khối lượng.

4. Phương thức thanh toán: tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản do Bên B cung cấp.

5. Các khoản thuế thu nhập cá nhân và nghĩa vụ tài chính khác của Bên B được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 7. THIẾT BỊ VÀ TÀI SẢN PHỤC VỤ CÔNG VIỆC

- Trường hợp Bên A giao thiết bị, máy móc, dụng cụ cho Bên B sử dụng, Bên B có trách nhiệm sử dụng đúng mục đích và bảo quản trong thời gian được giao.

- Bên B không được tự ý cho người khác sử dụng, chuyển giao hoặc mang thiết bị của Bên A đi nơi khác nếu chưa được đồng ý.

- Khi hoàn thành công việc, Bên B phải bàn giao lại đầy đủ thiết bị, dụng cụ, hồ sơ và tài liệu đã nhận.

- Trường hợp thiết bị, dụng cụ bị mất hoặc hư hỏng do lỗi của Bên B, Bên B có trách nhiệm phối hợp với Bên A để xác định nguyên nhân và xử lý trách nhiệm theo quy định.

ĐIỀU 8. AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ AN TOÀN TẠI HIỆN TRƯỜNG

- Bên B có trách nhiệm tuân thủ các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn tại công trường và các quy định của chủ đầu tư/nhà thầu nơi thực hiện công việc.

- Khi làm việc tại hiện trường, Bên B phải sử dụng đầy đủ trang bị bảo hộ lao động theo yêu cầu.

- Bên B phải báo ngay cho người phụ trách của Bên A khi phát hiện nguy cơ mất an toàn hoặc điều kiện hiện trường không bảo đảm cho việc thực hiện công việc.

ĐIỀU 9. BẢO MẬT THÔNG TIN

1. Bên B cam kết bảo mật toàn bộ thông tin có được trong quá trình cộng tác với Bên A.

2. Thông tin bảo mật bao gồm nhưng không giới hạn:

- Hồ sơ khách hàng;
- Hồ sơ công trình;
- Số liệu thí nghiệm;
- Kết quả kiểm định;
- Báo cáo kỹ thuật;
- Phương pháp, quy trình nội bộ;

- Thông tin về giá cả, hợp đồng và đối tác.

3. Nghĩa vụ bảo mật tiếp tục có hiệu lực sau khi Hợp đồng chấm dứt.

ĐIỀU 10. KHÔNG TỰ Ý PHÁT HÀNH KẾT QUẢ

- Bên B không được tự ý ký, đóng dấu, phát hành hoặc cung cấp cho khách hàng bất kỳ kết quả thí nghiệm, phiếu kết quả, báo cáo kiểm định hoặc tài liệu kỹ thuật nào nhân danh Bên A nếu chưa được người có thẩm quyền của Bên A phê duyệt.

- Việc kiểm tra, xem xét và phát hành kết quả thí nghiệm phải thực hiện theo quy trình quản lý chất lượng và thẩm quyền của Bên A.

- Trường hợp Bên B tự ý phát hành hoặc cung cấp kết quả trái với quy định, Bên B phải chịu trách nhiệm đối với hậu quả phát sinh do hành vi của mình theo quy định pháp luật và Hợp đồng này.

ĐIỀU 11. THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 15/03/2026 đến ngày 15/03/2027.
- Hợp đồng có thể được chấm dứt trước thời hạn trong các trường hợp:
- Hai bên thống nhất chấm dứt;
- Một bên vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ theo Hợp đồng;
- Công việc cộng tác không còn nhu cầu thực hiện;
- Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
- Khi Hợp đồng chấm dứt, hai bên có trách nhiệm hoàn tất việc bàn giao hồ sơ, tài liệu, thiết bị và thanh toán các khoản còn lại.

ĐIỀU 12. XỬ LÝ VI PHẠM

- Trường hợp Bên B không hoàn thành công việc hoặc thực hiện không đúng yêu cầu do lỗi của Bên B, Bên A có quyền yêu cầu Bên B khắc phục trong thời hạn hợp lý.

- Trường hợp Bên B cố ý làm sai lệch số liệu, làm mất hồ sơ, tiết lộ thông tin bảo mật hoặc gây thiệt hại cho Bên A/khách hàng do lỗi của mình, Bên B phải chịu trách nhiệm theo mức độ thiệt hại thực tế và quy định pháp luật.

ĐIỀU 13. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng.
- Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng phải được hai bên thống nhất.
- Trường hợp phát sinh tranh chấp, hai bên ưu tiên giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng thì thực hiện theo quy định của pháp luật.
- Hợp đồng được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ khi hai bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

BÊN B – CỘNG TÁC VIÊN	**ĐẠI DIỆN BÊN A**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
Trịnh Minh Hội	**Trịnh Văn Thanh**

M.S.D.N: 0109729550 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
Số: 10/HĐLĐ/2025

Căn cứ Bộ Luật lao động 2019 & các Nghị định hướng dẫn thi hành;

Căn cứ vào năng lực, nhu cầu và thoả thuận của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 02 năm 2025, tại Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn kiểm định xây dựng công trình 79, chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Đại diện: Ông Trịnh Văn Thanh Chức vụ: Giám đốc

MST: 0109723550

Địa chỉ: Đội 15, thôn Khoan Tế, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Bên B: Người lao động

Họ và tên: Phạm Ngọc Tuân

Sinh ngày: 27/12/1988 Giới tính: Nam

Số CCCD: 031088006858

Nơi cấp: Cục CS

Địa chỉ: Phường Hà Tu, tỉnh Quảng Ninh

Cùng thoả thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Nội dung công việc

Bên A hợp đồng thuê bên B làm Thí nghiệm viên - Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn kiểm định xây dựng công trình 79 (sau đây gọi tắt là Công ty).

Địa điểm làm việc: Tại trụ sở công ty hoặc các địa điểm khác theo sự phân công, điều động của cấp trên.

Điều 2: Thời hạn hợp đồng

- Loại hợp đồng: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn.
- Ngày bắt đầu làm việc: ngày 01/02/2025

Điều 3: Thời gian làm việc

- Thời gian làm việc: 8 giờ/ngày.
- Đối với người lao động làm công việc đặc thù, thời giờ làm việc có thể thay đổi và theo sự phân công của Trưởng bộ phận và Ban lãnh đạo công ty.

- Thời gian nghỉ lễ, Tết, nghỉ phép năm theo Bộ luật Lao động và nội quy công ty.

Điều 4: Chế độ lương, thưởng, phụ cấp

- Mức lương cơ bản: Tuỳ theo sự thoả thuận của hai bên
- Phụ cấp: Thực hiện theo quy định của Công ty.
- Hình thức, phương thức trả lương: Bên A thanh toán tiền lương, thưởng cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Thời gian: Trả lương vào ngày 05-10 hàng tháng qua tài khoản ngân hàng hoặc trả trực tiếp bằng tiền mặt.

Điều 5: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. ***Nghĩa vụ:***

- Tuân thủ hợp đồng lao động đã ký kết;
- Hoàn thành công việc được giao và sẵn sàng chấp nhận mọi sự điều động khi có yêu cầu;
- Không được giao cho người khác thực hiện thay công việc nếu không có sự đồng ý của bên A;
- Bên B phải có ý thức về an toàn lao động. Mọi rủi ro trong giờ làm việc và ngoài giờ làm việc do lỗi của bên B gây ra phải tự chịu hoàn toàn trách nhiệm, đồng thời bồi thường cho bên A nếu có thiệt hại thực tế xảy ra. Mức bồi thường do hai bên thoả thuận.
- Thực hiện nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật.

2. ***Quyền lợi:***

- Nhận lương như Điều 4, theo định kỳ phát lương chung của nhân viên Công ty.
- Được đóng BHXH-BHYT theo thoả thuận phù hợp với qui định của pháp luật có liên quan.
- Được thanh toán đầy đủ các khoản lương, thưởng và các khoản thu khác khi hết hợp đồng hoặc Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng..
- Được thông báo trước về việc chấm dứt hợp đồng lao động trước 15 ngày hoặc có thể bên A sẽ không thông báo và cho nghỉ việc luôn nếu như bên A cố tình không nghe theo sự chỉ đạo, phân công công việc của ban Quản lý Công ty.

Điều 6: Nghĩa vụ và quyền của người sử dụng lao động

1. **Nghĩa vụ:**

- Thanh toán lương đầy đủ và đúng hạn;
- Đóng BHXH - BHYT cho ngường lao động theo thoả thuận phù hợp với qui định pháp luật có liên quan.
- Tiếp tục đào tạo, tạo điều kiện cho người lao động học tập nâng cao tay nghề để làm tốt công việc và hòa nhập tốt vào môi trường làm việc;
- Thông báo trước cho người lao động về việc chấm dứt hợp đồng lao động trước 15 ngày đối với hợp đồng đến hạn và trước 30 ngày đối với đơn phương chấm dứt hợp đồng.

2. ***Quyền:***

- Điều động, luân chuyển, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật hoặc chấm dứt hợp đồng;
- Yêu cầu làm tốt và hiệu quả công việc;

- Yêu cầu bảo mật thông tin;

Điều 7: Bảo mật thông tin

- Bên B có nghĩa vụ bảo mật các thông tin về khách hàng, hoạt động kinh doanh, bí quyết công nghệ, bí quyết kinh doanh của bên A, không được tiết lộ cho bên thứ 3 được biết trong quá trình thực hiện hợp đồng và kể cả khi hai bên đã chấm dứt hợp đồng;

Điều 8: Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng được ký kết giữa các bên chấm dứt khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Các bên đã hoàn thành nghĩa vụ của mình và không có bất kỳ thỏa thuận nào khác
- Theo thỏa thuận của các bên;
- Một trong các bên vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của hợp đồng và bên còn lại gửi thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng;
- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9: Giải quyết tranh chấp

- Trong trường hợp có bất kỳ sự việc nào phát sinh mà không được các bên thỏa thuận trong hợp đồng này thì được thực hiện theo quy định của pháp luật.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu xảy ra tranh chấp các bên sẽ tiến hành giải quyết tranh chấp bằng phương thức thương lượng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu không thể giải quyết bằng thương lượng, một trong các bên có thể đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 10: Điều khoản thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm các bên cùng ký
- Hợp đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu Hai Bên cùng thỏa thuận thống nhất bằng văn bản;
- Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.

NGƯỜI LAO ĐỘNG	**NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*
Phạm Ngọc Tuân	**Trịnh Văn Thanh**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

---------o0o----------

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 2008/2025/HĐKT/CT79-TA

- Căn cứ Bộ luật dân sự số: 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Bộ luật thương mại số: 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ vào nhu cầu của bên mua và khả năng cung cấp nhu cầu của bên bán.

Hôm nay, ngày 20 tháng 08 năm 2025. Hai bên gồm có:

BÊN MUA : (gọi tắt là bên A): CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Địa chỉ trụ sở : Đội 15, Thôn Khoan Tế, Xã Bát Tràng, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 0936.533.628

Tài khoản số : 121821 888888 tại ngân hàng Quân Đội MB – CN Cẩm Phả

Mã số thuế : 0109723550

Đại diện : Ông **TRỊNH VĂN THANH** Chức vụ: Giám đốc

BÊN BÁN: (gọi tắt là bên B) CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH

Địa chỉ : Lô CL04-2 khu đất dịch vụ La dương - La Nội, phường Dương Nội, TP Hà Nội

Mã số thuế : 0107506448

Điện thoại : 024.38630666 Fax: 024.38630666

Tài khoản số : 228668868 tại ngân hàng ACB chi nhánh Hà Nội.

Đại diện bởi : Bà **CAO THỊ LAN ANH** Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng nhau tiến hành ký kết hợp đồng Kinh tế với các điều khoản sau:

Điều I: Tên hàng, quy cách, số lượng, trị giá.

Bên B đồng ý bán, bên A đồng ý mua hàng hóa với đơn giá, số lượng cụ thể như sau:

STT	Tên hàng	SL	Đơn giá	Thuế GTGT	Thành tiền
1	Cân điện tử HAW 30kg	2	1,900,000	304,000	4,104,000
2	Cân đếm điện tử, Model: RC21P30	1	5,400,000	432,000	5,832,000
3	Cân điện tử GC - 27 - 15kg	1	2,250,000	180,000	2,430,000
4	Tủ sấy 101-3A	1	7,500,000	600,000	8,100,000
5	Giá để đồ thí nghiệm bằng inox	6	1,350,000	594,000	8,019,000
6	Bàn thí nghiệm bằng inox	2	1,500,000	240,000	3,240,000
7	Máy thí nghiệm kiểm tra độ bền nén của bê tông, model: TYA-2000 , hãng: Better United	1	39,000,000	3,120,000	42,120,000
8	Máy kiểm tra kéo, nén đa năng 1000kN, model: WA-1000B - hãng Better United	1	151,000,000	12,080,000	163,080,000
9	Sàng tiêu chuẩn đường kính 300mm - Trung Quốc	20	200,000	320,000	4,320,000
10	Sàng tiêu chuẩn đường kính D200 - Trung Quốc	5	180,000	72,000	972,000
Tổng tiền thanh toán					**242,217,000**

Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm mười bảy nghìn đồng./.

Điều II: Chất lượng, xuất xứ

2.1 Chất lượng: Hàng hóa mới 100%, thông số chuẩn như mô tả chi tiết

2.2 Xuất xứ: Trung Quốc.

Điều III: Thời gian, địa điểm giao hàng.

3.1 Thời gian giao hàng: 5-7 ngày kể từ ngày nhận đủ tiền thanh toán theo điều IV của hợp đồng này.

3.2 Địa điểm giao hàng: tại địa chỉ của bên A tại Quảng Ninh.

Điều IV: Phương thức và thời gian thanh toán.

4.1 Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.

4.2 Thời gian thanh toán: thanh 100% giá trị hợp đồng sau khi 2 bên ký hợp đồng và trước khi nhận hàng.

Điều V: Trách nhiệm của các bên

5.1 Trách nhiệm của bên A:

- Thanh toán đúng thời hạn và thực hiện đúng thỏa thuận theo điều IV của hợp đồng

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận thiết bị.

5.2 Trách nhiệm của bên B

- Giao hàng đầy đủ và đúng thời hạn và đúng chủng loại, đảm bảo chất lượng thiết bị như đã ghi như trên.

- Cung cấp đầy đủ hóa đơn tài chính hợp lệ cho bên A.

Điều VI: Cam kết chung.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này.

- Trong trường hợp có thay đổi, phát sinh thì phải được hai bên thống nhất bằng văn bản mới có giá trị.

- Hai bên không được đơn phương hủy bỏ hợp đồng nếu chưa có sự đồng ý của bên kia. Mọi tổn thất do việc đơn phương hủy bỏ hoặc thay đổi Hợp đồng sẽ được bên tự ý hủy bỏ hoặc thay đổi Hợp đồng bồi thường cho bên kia.

- Trong trường hợp có sự tranh chấp Hợp đồng Kinh tế mà hai bên không tự giải quyết được thì sự việc sẽ được đưa ra Tòa Kinh tế Hà Nội để giải quyết. Phán quyết của tòa Kinh tế là Quyết định cuối cùng mà hai bên phải tuân theo.

- Hợp đồng này tự động thanh lý và hết hiệu lực khi bên B nhận đủ 100% tổng giá trị thanh toán. Riêng điều khoản bảo hành giữ nguyên giá trị thực hiện đến hết thời gian cam kết tại hợp đồng này

- Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
M.S.D.N:0109723550 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79 THÀNH PHỐ HÀ NỘI	M.S.D.N:0107 C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH Q.HÀ ĐÔNG - T.P HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Trịnh Văn Thanh	*Cao Thị Lan Anh*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

--------o0o---------

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 0303/79-TA 2023

* Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
* Căn cứ Bộ luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
* Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ về việc quy định về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng
* Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ xây dựng hướng dẫn mẫu hợp đồng thi công xây dựng
*Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;
* Căn cứ vào nhu cầu sử dụng và khả năng cung ứng của mỗi bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2023, Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên mua): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Địa chỉ : Đội 15, Thôn Khoan Tế, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế : 0109723550

Đại diện : **Ông Trịnh Văn Thanh** Chức vụ: Giám đốc

Bên B (Bên bán): CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH

Địa chỉ : Lô CL04-2 Khu đất dịch vụ La Dương- La Nội, phường Dương Nội, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

Mã số thuế : 0107506448

Điện thoại : 024.38630666 Fax: 024.38630666

Tài khoản số : 228668868 tại ngân hàng ACB - PGD Hà Đông – chi nhánh Hà Nội

Đại diện bởi : **Bà CAO THỊ LAN ANH** Chức vụ: **Giám đốc**

Cùng ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

Điều I: Tên hàng, quy cách, số lượng, trị giá.

Bên B đồng ý cung cấp cho bên A thiết bị thí nghiệm sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Khuôn CBR - Việt Nam	Bộ	6	1,150,000	6,900,000
2	Đĩa đệm CBR	Cái	1	200,000	200,000
3	Sàng tiêu chuẩn đường kính 300mm - Trung Quốc	Cái	5	170,000	850,000
4	Cát trắng tuyển	kg	100	10,000	1,000,000
5	Kích thủy lực, Model: HHYG-300A - Trung Quốc	Cái	1	15,000,000	15,000,000
6	Bộ ngàm kẹp Bulong và thép	Bộ	1	4,000,000	4,000,000
7	Bộ ngàm nhổ thép hiện trường	Bộ	1	5,000,000	5,000,000
Tổng tiền hàng					**32,950,000**
Thuế 10%					**3,295,000**
Tổng tiền thanh toán					**36,245,000**

Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng chẵn. **Điều II: Chất lượng, xuất xứ, bảo hành.**

2.1 Chất lượng: Hàng hóa mới 100%, đúng quy cách và bảo đảm các thông số kỹ thuật như đã nêu trên.

2.2 Xuất xứ: Trung Quốc, Việt Nam.

2.3 Bảo hành: Thiết bị được bảo hành trong 12 tháng kể từ ngày bàn giao đối với những hư hỏng do lỗi của nhà sản xuất (Hàng hóa, vật tư tiêu hao không nằm trong danh mục bảo hành). Trường hợp thiết bị có lỗi trong điều kiện được bảo hành mà không sửa chữa khắc phục được thì được thay mới phần hỏng hóc đó

+ Không bảo hành thiết bị trong trường hợp xảy ra cháy nổ điện, lũ lụt, thiên tai.

+ Địa điểm bảo hành: Tại địa điểm đặt thiết bị của bên A.

Điều III: Thời gian, địa điểm giao hàng, hướng dẫn sử dụng thiết bị.

3.1 Thời gian giao hàng: Hàng hóa được giao và hoàn tất các thủ tục trong vòng 04-06 tuần ngày kể từ ngày ký hợp đồng

3.2 Địa điểm giao hàng: tại kho của bên B tại Hà Nội

Điều IV: Phương thức và thời gian thanh toán.

4.1 Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

4.2 Thời gian thanh toán:

Thanh toán 100% giá trị tiền hàng sau khi nhận hàng và ký biên bản bàn giao thiết bị (trong vòng 05 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn)

Nếu bên A không thực hiện thanh toán đúng thời hạn của hợp đồng, bên B có quyền mang thiết bị về lại kho hàng của bên B, mọi chi phí phát sinh và hư hại thiết bị bên A chịu trách nhiệm chi trả.

Điều V: Trách nhiệm của các bên

5.1 Trách nhiệm của bên A:

- Thanh toán đúng thời hạn và thực hiện đúng thỏa thuận theo điều VI của hợp đồng
- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận thiết bị.

5.2 Trách nhiệm của bên B

- Giao hàng đầy đủ và đúng thời hạn và đúng chủng loại, đảm bảo chất lượng thiết bị như đã ghi như trên.

Điều VI: Cam kết chung.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này.

- Trong trường hợp có thay đổi, phát sinh thì phải được hai bên thống nhất bằng văn bản mới có giá trị.

- Hai bên không được đơn phương hủy bỏ hợp đồng nếu chưa có sự đồng ý của bên kia. Mọi tổn thất do việc đơn phương hủy bỏ hoặc thay đổi Hợp đồng sẽ được bên tự ý hủy bỏ hoặc thay đổi Hợp đồng bồi thường cho bên kia.

- Trong trường hợp có sự tranh chấp Hợp đồng Kinh tế mà hai bên không tự giải quyết được thì sự việc sẽ được đưa ra Tòa Kinh tế Hà Nội để giải quyết. Phán quyết của tòa Kinh tế là Quyết định cuối cùng mà hai bên phải tuân theo.

- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký, sau khi thực hiện xong điều khoản của hợp đồng, nếu không tồn tại, vướng mắc gì thì đương nhiên hợp đồng được thanh lý.

Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
M.S.D.N:0109723550-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79 THÀNH PHỐ HÀ NỘI	M.S.D.N:0107506240-C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH Q.HÀ ĐÔNG - T.P HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Trịnh Văn Thanh	Cao Thị Lan Anh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

---------o0o----------

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 1206/2025/HĐKT/CT79-TA

- Căn cứ Bộ luật dân sự số: 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Bộ luật thương mại số: 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ vào nhu cầu của bên mua và khả năng cung cấp nhu cầu của bên bán.

Hôm nay, ngày 12 tháng 06 năm 2025. Hai bên gồm có:

BÊN MUA : (gọi tắt là bên A): CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Địa chỉ trụ sở : Đội 15, Thôn Khoan Tế, Xã Đa Tốn , huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 0936.533.628

Tài khoản số : 121821 888888 tại ngân hàng Quân Đội MB – CN Cẩm Phả

Mã số thuế : 0109723550

Đại diện : Ông **TRỊNH VĂN THANH** Chức vụ: Giám đốc

BÊN BÁN: (gọi tắt là bên B) CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH

Địa chỉ : Lô CL04-2 khu đất dịch vụ La dương - La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, TP Hà Nội

Mã số thuế : 0107506448

Điện thoại : 024.38630666 Fax: 024.38630666

Tài khoản số : 228668868 tại ngân hàng ACB chi nhánh Hà Nội.

Đại diện bởi : Bà **CAO THỊ LAN ANH** Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng nhau tiến hành ký kết hợp đồng Kinh tế với các điều khoản sau:

Điều I: Tên hàng, quy cách, số lượng, trị giá.

Bên B đồng ý bán, bên A đồng ý mua hàng hóa với đơn giá, số lượng cụ thể như sau:

STT	Tên hàng	SL	Đơn giá	Thuế GTGT	Thành tiền
1	Thiết bị thử cường độ bê tông, Model: ZC-3	1	2,500,000	200,000	2,700,000
2	Đồng hồ so 0 - 50mm	2	1,300,000	208,000	2,808,000
3	Bơm dầu thủy lực, model: DB150-D2	1	16,500,000	1,650,000	18,150,000
4	Kích nâng 500 tấn	1	43,000,000	4,300,000	47,300,000
5	Máy thí nghiệm kiểm tra độ bền nén của bê tông, model: TYA-2000A , hãng: Better United	1	43,000,000	4,300,000	47,300,000
6	Ngàm kẹp cho thí nghiệm kéo đứt và độ giãn dài rộng 200mm	1	2,800,000	280,000	3,080,000
7	Ngàm kẹp mẫu có chiều rộng 100mm Cường độ kéo giật và độ giãn dài	1	2,100,000	210,000	2,310,000
8	Ngàm kéo cường độ xé rách hình thang	1	2,100,000	210,000	2,310,000
9	Bộ TN cường độ xuyên thủng thanh	1	2,100,000	210,000	2,310,000
10	CBR-ASTM D6241	1	2,800,000	280,000	3,080,000
11	Ngàm kẹp cho thí nghiệm kéo đứt vải địa KT cường độ cao	1	3,850,000	385,000	4,235,000
12	Bộ thí nghiệm chiều dày vải địa, bấc thấm - Việt Nam	1	4,800,000	480,000	5,280,000
13	Thiết bị thử cường độ kháng bục của vải địa	1	4,950,000	495,000	5,445,000
14	Máy đầm đất bằng điện đa năng model DJY-III	1	25,000,000	2,500,000	27,500,000
Tổng tiền thanh toán					**173,808,000**

Bằng chữ: Một trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm linh tám nghìn đồng./.

Điều II: Chất lượng, xuất xứ

2.1 Chất lượng: Hàng hóa mới 100%, thông số chuẩn như mô tả chi tiết

2.2 Xuất xứ: Việt Nam, TQ.

Điều III: Thời gian, địa điểm giao hàng.

3.1 Thời gian giao hàng: 5-7 ngày kể từ ngày nhận đủ tiền thanh toán theo điều IV của hợp đồng này.

3.2 Địa điểm giao hàng: tại địa chỉ của bên A tại Quảng Ninh.

Điều IV: Phương thức và thời gian thanh toán.

4.1 Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.

4.2 Thời gian thanh toán: thanh 100% giá trị hợp đồng sau khi 2 bên ký hợp đồng và trước khi nhận hàng.

Điều V: Trách nhiệm của các bên

5.1 Trách nhiệm của bên A:

- Thanh toán đúng thời hạn và thực hiện đúng thỏa thuận theo điều IV của hợp đồng

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận thiết bị.

5.2 Trách nhiệm của bên B

- Giao hàng đầy đủ và đúng thời hạn và đúng chủng loại, đảm bảo chất lượng thiết bị như đã ghi như trên.

- Cung cấp đầy đủ hóa đơn tài chính hợp lệ cho bên A.

Điều VI: Cam kết chung.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này.

- Trong trường hợp có thay đổi, phát sinh thì phải được hai bên thống nhất bằng văn bản mới có giá trị.

- Hai bên không được đơn phương hủy bỏ hợp đồng nếu chưa có sự đồng ý của bên kia. Mọi tổn thất do việc đơn phương hủy bỏ hoặc thay đổi Hợp đồng sẽ được bên tự ý hủy bỏ hoặc thay đổi Hợp đồng bồi thường cho bên kia.

- Trong trường hợp có sự tranh chấp Hợp đồng Kinh tế mà hai bên không tự giải quyết được thì sự việc sẽ được đưa ra Tòa Kinh tế Hà Nội để giải quyết. Phán quyết của tòa Kinh tế là Quyết định cuối cùng mà hai bên phải tuân theo.

- Hợp đồng này tự động thanh lý và hết hiệu lực khi bên B nhận đủ 100% tổng giá trị thanh toán. Riêng điều khoản bảo hành giữ nguyên giá trị thực hiện đến hết thời gian cam kết tại hợp đồng này

- Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Trịnh Văn Thanh	Cao Thị Lan Anh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

---------o0o----------

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 2702/2025/HĐKT/CT79-TA

- Căn cứ Bộ luật dân sự số: 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Bộ luật thương mại số: 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ vào nhu cầu của bên mua và khả năng cung cấp nhu cầu của bên bán.

Hôm nay, ngày 01 tháng 12 năm 2025. Hai bên gồm có:

BÊN MUA : (gọi tắt là bên A): CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Địa chỉ trụ sở : Đội 15, Thôn Khoan Tế, Xã Bát Tràng, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 0936.533.628

Tài khoản số : 121821 888888 tại ngân hàng Quân Đội MB – CN Cẩm Phả

Mã số thuế : 0109723550

Đại diện : Ông **TRỊNH VĂN THANH** Chức vụ: Giám đốc

BÊN BÁN: (gọi tắt là bên B) CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH

Địa chỉ : Lô CL04-2 khu đất dịch vụ La dương - La Nội, phường Dương Nội, TP Hà Nội

Mã số thuế : 0107506448

Điện thoại : 024.38630666 Fax: 024.38630666

Tài khoản số : 228668868 tại ngân hàng ACB chi nhánh Hà Nội.

Đại diện bởi : Bà **CAO THỊ LAN ANH** Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng nhau tiến hành ký kết hợp đồng Kinh tế với các điều khoản sau:

Điều I: Tên hàng, quy cách, số lượng, trị giá.

Bên B đồng ý bán, bên A đồng ý mua hàng hóa với đơn giá, số lượng cụ thể như sau:

STT	Tên hàng	SL	Đơn giá	Thuế GTGT	Thành tiền
1	Máy đo biến dạng cọc PDA và PIT 2 chế độ Xuất xứ: Trung Quốc Model: RSM-PDT(D) Hãng: Sinorock Phương pháp thử nghiệm tiêu chuẩn để kiểm tra động lực căng thẳng cao của nền móng sâu ASTM D4945-17 Phương pháp kiểm tra tiêu chuẩn để kiểm tra tính toàn vẹn của tác động căng thấp của nền móng sâu ASTM D5882-16 Đặc điểm kỹ thuật 1. Công nghệ khuếch đại dấu chấm động tức thời nguyên bản, dải động lớn, tỷ lệ tín hiệu trên nhiễu cao, có tính đến việc thu tín hiệu mạnh và yếu mà không bị biến dạng; 2. Sự cân bằng của cầu biến dạng có thể được điều chỉnh tự động để giảm tác động của biến dạng ban đầu của vòng biến dạng đối với việc thu tín hiệu và loại bỏ độ lệch tín hiệu bằng không; 3. Với tốc độ thu tín hiệu nhanh, có thể hoàn thành việc thu thập tín hiệu 60 búa / phút và kiểm tra giám sát cọc có thể được thực hiện trong thời gian thực; 4. Tự kiểm tra trạng thái lắp đặt cảm biến có thể được tiến hành tại hiện trường trong thời gian thực; 5. Kết quả phân tích theo phương pháp Case, F-ZVcurves và các đường cong sóng di	1	375.000.000	8%	405.000.000

	chuyển trên và dưới được hiển thị tại hiện trường; 6.IP65 Thiết kế chống bụi và chống thấm nước, không sợ điều kiện khắc nghiệt; Pin dung lượng lớn siêu mỏng 7.9mm, pin có thể tháo rời, đảm bảo công việc tại hiện trường không bị gián đoạn.				
2	Thanh dẫn búa PDA gồm. Trụ dẫn hướng thép phi 90 dài 3m. Tấm đế tôn dày 30 đường kính 1000mm.	1	12.000.000	8%	12.960.000
3	Cò PDA	1	10.000.000	8%	10.800.000
4	- Búa PDA Kiểu dáng tròn đường kính búa 1200mm kích thước lỗ thông tâm 100mm	8	27.000.000	8%	233.280.000
Tổng tiền thanh toán					**662,040,000**

Bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi hai triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng./.

Điều II: Chất lượng, xuất xứ

2.1 Chất lượng: Hàng hóa mới 100%, thông số chuẩn như mô tả chi tiết

2.2 Xuất xứ: Trung Quốc.

Điều III: Thời gian, địa điểm giao hàng.

3.1 Thời gian giao hàng: 5-7 ngày kể từ ngày nhận đủ tiền tạm ứng theo điều IV của hợp đồng này.

3.2 Địa điểm giao hàng

Điều IV: Phương thức và thời gian thanh toán.

4.1 Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.

4.2 Thời gian thanh toán: bên A tạm ứng 50% giá trị hợp đồng sau khi 2 bên ký hợp đồng, 50% còn lại thanhtoans sau khi bên B tiến hành bàn giao thiết bị và cung cấp đầy đủ giấy tờ, hoá đơn hợp lệ cho bên A.

Điều V: Trách nhiệm của các bên

5.1 Trách nhiệm của bên A:

- Thanh toán đúng thời hạn và thực hiện đúng thỏa thuận theo điều IV của hợp đồng
- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận thiết bị.

5.2 Trách nhiệm của bên B

- Giao hàng đầy đủ và đúng thời hạn và đúng chủng loại, đảm bảo chất lượng thiết bị như đã ghi như trên.

- Cung cấp đầy đủ hóa đơn tài chính hợp lệ cho bên A.

Điều VI: Cam kết chung.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này.

- Trong trường hợp có thay đổi, phát sinh thì phải được hai bên thống nhất bằng văn bản mới có giá trị.

- Hai bên không được đơn phương hủy bỏ hợp đồng nếu chưa có sự đồng ý của bên kia. Mọi tổn thất do việc đơn phương hủy bỏ hoặc thay đổi Hợp đồng sẽ được bên tự ý hủy bỏ hoặc thay đổi Hợp đồng bồi thường cho bên kia.

- Trong trường hợp có sự tranh chấp Hợp đồng Kinh tế mà hai bên không tự giải quyết được thì sự việc sẽ được đưa ra Tòa Kinh tế Hà Nội để giải quyết. Phán quyết của tòa Kinh tế là Quyết định cuối cùng mà hai bên phải tuân theo.

- Hợp đồng này tự động thanh lý và hết hiệu lực khi bên B nhận đủ 100% tổng giá trị thanh toán. Riêng điều khoản bảo hành giữ nguyên giá trị thực hiện đến hết thời gian cam kết tại hợp đồng này

- Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
M.S.D.N:0109723550 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79 THÀNH PHỐ HÀ NỘI	M.S.D.N:0107506448 CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH Q.HÀ ĐÔNG - T.P HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Trịnh Văn Thanh	Cao Thị Lan Anh

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C26TAA

Số *(No.)*: **00000671**

Ngày (Date) 27 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Mã CQT (Code): 000E3D8B246B1642B4B0530E93E09C3B23

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH

Mã số thuế *(Tax code)*: 0107506448

Địa chỉ *(Address)*: Lô CL 04-2, khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại *(Tel)*: 02438630666

Website: https://tatechco.com.vn & tatechco.vn

Email: ketoan.tatechcovn@gmail.com

Số tài khoản: 228 66 88 68 - Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) - Chi nhánh Hà Nội

: 88 666 888 222 68 - Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) - Chi nhánh Thanh Xuân

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Mã số thuế *(Tax code)*: 0109723550

MSĐVCQHVNS *(Budgetary unit code)*:

Địa chỉ *(Address)*: Đội 15, Thôn Khoan Tế, Xã Bát Tràng, TP Hà Nội, Việt Nam.

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK **Số tài khoản** *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Máy thí nghiệm kiểm tra độ biến dạng của cọc khoan nhồi, Model RSM-PDT(D)	Cái	1,00	375.000.000,00	375.000.000
2	Thanh dẫn tải PDA	Cái	1,00	12.000.000,00	12.000.000
3	Cò PDA	Cái	1,00	10.000.000,00	10.000.000
4	Búa PDA	Tấn	8,00	27.000.000,00	216.000.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**613.000.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:		**8%**		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**49.040.000**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**662.040.000**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Sáu trăm sáu mươi hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.***					

Người mua hàng ***(Buyer)***

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng ***(Seller)***

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 27/03/2026**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu *(Invoice code)*: **VLFNC_GP1B92**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

TATECHCO
TRUNG ANH TECHNICAL CO,. LTD

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ngày (Date) 25 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 005A38F39CC6A74598970EB113B54EE01B

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TAA

Số *(No.)*: **00002156**

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH

Mã số thuế *(Tax code)*: 0107506448

Địa chỉ *(Address)*: Lô CL 04-2, khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại *(Tel)*: 02438630666

Website: https://tatechco.com.vn & tatechco.vn

Email: ketoan.tatechcovn@gmail.com

Số tài khoản: 228 66 88 68 - Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) - Chi nhánh Hà Nội

: 88 666 888 222 68 - Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) - Chi nhánh Thanh Xuân

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Mã số thuế *(Tax code)*: 0109723550

MSĐVCQHVNS *(Budgetary unit code)*:

Địa chỉ *(Address)*: Đội 15, Thôn Khoan Tế, Xã Bát Tràng, TP Hà Nội, Việt Nam.

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản **Số tài khoản** *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Cân điện tử HAW 30kg	Cái	2,00	1.900.000,00	3.800.000
2	Cân đếm điện tử, Model: RC21P30	Cái	1,00	5.400.000,00	5.400.000
3	Cân điện tử GC - 27 - 15kg	Cái	1,00	2.250.000,00	2.250.000
4	Tủ sấy 101-3A	Cái	1,00	7.500.000,00	7.500.000
5	Giá để đồ thí nghiệm bằng inox	m2	5,50	1.350.000,00	7.425.000
6	Bàn thí nghiệm bằng inox	m2	2,00	1.500.000,00	3.000.000
7	Máy thí nghiệm kiểm tra độ bền nén của bê tông, model: TYA-2000 , hãng: Better United	Cái	1,00	39.000.000,00	39.000.000
8	Máy kiểm tra kéo, nén đa năng 1000kN, model: WA-1000B - hãng Better United	Cái	1,00	151.000.000,00	151.000.000
9	Sàng tiêu chuẩn đường kính 300mm - Trung Quốc	Cái	20,00	200.000,00	4.000.000
10	Sàng tiêu chuẩn đường kính D200 - Trung Quốc	Cái	5,00	180.000,00	900.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**224.275.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:		**8%**		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**17.942.000**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**242.217.000**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Hai trăm bốn mươi hai triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng chẵn.***					

TATECHCO TRUNG ANH TECHNICAL CO., LTD

Người mua hàng ***(Buyer)***

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng ***(Seller)***

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 25/08/2025**

TATECHCO
TRUNG ANH TECHNICAL CO,. LTD

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu *(Invoice code)*: **23HVIP9ZLLND**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TAA

Số *(No.)*: **00001524**

Ngày (Date) 17 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00118B580FC6F84B428548E2688F7AF27F

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH

Mã số thuế *(Tax code)*: 0107506448

Địa chỉ *(Address)*: Lô CL 04-2, khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại *(Tel)*: 02438630666

Website: https://tatechco.com.vn & tatechco.vn

Email: ketoan.tatechcovn@gmail.com

Số tài khoản: 228 66 88 68 - Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) - Chi nhánh Hà Nội

: 88 666 888 222 68 - Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) - Chi nhánh Thanh Xuân

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Mã số thuế *(Tax code)*: 0109723550

Địa chỉ *(Address)*: Đội 15, Thôn Khoan Tế, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK **Số tài khoản** *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Bơm dầu thủy lực, model: DB150-D2	Cái	1,00	16.500.000,00	16.500.000
2	Kích nâng 500 tấn	Cái	1,00	43.000.000,00	43.000.000
3	Máy thí nghiệm kiểm tra độ bền nén của bê tông, model: TYA-2000A , hãng: Better United	Cái	1,00	43.000.000,00	43.000.000
4	Ngàm kẹp cho thí nghiệm kéo đứt và độ giãn dài rộng 200mm	Cái	1,00	2.800.000,00	2.800.000
5	Ngàm kẹp mẫu có chiều rông 100mm Cường độ kéo giật và độ giãn dài	Bộ	1,00	2.100.000,00	2.100.000
6	Ngàm kéo cường độ xé rách hình thang	Bộ	1,00	2.100.000,00	2.100.000
7	Bộ TN cường độ xuyên thủng thanh	Bộ	1,00	2.100.000,00	2.100.000
8	CBR-ASTM D6241	Bộ	1,00	2.800.000,00	2.800.000
9	Ngàm kẹp chi thí nghiệm kéo đứt vải địa KT cường độ cao	Bộ	1,00	3.850.000,00	3.850.000
10	Bộ thí nghiệm chiều dày vải địa, bấc thấm - Việt Nam	Bộ	1,00	4.800.000,00	4.800.000
11	Thiết bị thử cường độ kháng bục của vải địa	Bộ	1,00	4.950.000,00	4.950.000
12	Máy đầm đất bằng điện đa năng model DJY-III	Cái	1,00	25.000.000,00	25.000.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**153.000.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:		**10%**		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**15.300.000**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**168.300.000**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Một trăm sáu mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.***					

TRUNG ANH TECHNICAL CO,. LTD

Người mua hàng ***(Buyer)***	**Người bán hàng** ***(Seller)***
(Chữ ký số (nếu có))	*(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)*
(Digital signature (if any))	*(E-signature, Digital signature)*

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 17/06/2025**

TATECHCO
TRUNG ANH TECHNICAL CO,. LTD

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu *(Invoice code)*: **DEHDS0WWPPXZ**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TTA

Số *(No.)*: **00002832**

Ngày (Date) 25 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Mã CQT (Code): 009ED272A830E947F7B743AA575C0B782E

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH

Mã số thuế *(Tax code)*: 0107506448

Địa chỉ *(Address)*: Lô CL 04-2, khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại *(Tel)*: 02438630666

Website : https://tatechco.com.vn & tatechco.vn

Email: ketoan.tatechcovn@gmail.com

Số tài khoản: 228 66 88 68 - Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) - Chi nhánh Hà Nội

: 88 666 888 222 68 - Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) - Chi nhánh Thanh Xuân

Họ và tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Mã số thuế *(Tax code)*: 0109723550

Địa chỉ *(Address)*: Đội 15, Thôn Khoan Tế, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK **Số tài khoản** *(Bank account)*:

STT *(No)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Name of goods and services)*	**Đơn vị tính** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
1	Bột capping loại S350, 25kg/bao	Bao	2,00	1.250.000,000	2.500.000
2	Máy đo độ dày lớp phủ bề mặt vật liệu,Model : EC-900	Cái	1,00	5.500.000,000	5.500.000
3	Máy kiểm tra đa năng dùng thủy lực, Model WDW-100A	Cái	1,00	99.800.000,000	99.800.000
4	Bộ gá nén marshall 2 nửa cải tiến	Bộ	1,00	4.235.000,000	4.235.000
5	Bộ gối uốn bê tông	Cái	1,00	2.300.000,000	2.300.000
6	Đĩa đệm CBR	Cái	1,00	200.000,000	200.000
7	Tủ sấy 101-2A	Cái	1,00	5.300.000,000	5.300.000
8	Máy đo độ dày lớp phủ bề mặt vật liệu,Model : EC-900	Cái	1,00	5.500.000,000	5.500.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**125.335.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:		**10 %**		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**12.533.500**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**137.868.500**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng chẵn.***					

TATECHCO TRUNG ANH TECHNICAL CO,. LTD

Người mua hàng ***(Buyer)***

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng ***(Seller)***

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 25/12/2024**

TATECHCO
TRUNG ANH TECHNICAL CO,. LTD

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn *(Invoice code)*: **PQCNFDMG7P30**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TTA

Số *(No.)*: **00000486**

Ngày (Date) 30 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Mã CQT (Code): 000EBB192744174F8984AD4ACB9A51DBE8

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH

Mã số thuế *(Tax code)*: 0107506448

Địa chỉ *(Address)*: Lô CL 04-2, khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02438630666

Website: https://tatechco.com.vn & tatechco.vn

Email: contact@tatechco.vn

Số tài khoản *(Bank account)*: 228668868 - Ngân hàng TMCP Á Châu ACB-Chi nhánh Hà Nội

Họ và tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Mã số thuế *(Tax code)*: 0109723550

Địa chỉ *(Address)*: Đội 15, Thôn Khoan Tế, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Số tài khoản *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Cảm biến, moldel: Keli SQB-2T	Cái	10,00	350.000,00	3.500.000
2	Cảm biến, moldel: Keli SQB-1T	Cái	10,00	350.000,00	3.500.000
3	Bộ chỉ thị, model: SLF-E LED	Cái	5,00	600.000,00	3.000.000
4	Khuôn đúc mẫu vữa, KT 40x40x160mm kép 3 bằng thép - Việt Nam	Cái	20,00	300.000,00	6.000.000
5	Giá để đồ thí nghiệm bằng inox	m2	8,00	1.300.000,00	10.400.000
6	Cân kỹ thuật đếm, model GC-17 (15kg)	Cái	3,00	2.200.000,00	6.600.000
7	Khuôn uốn dầm 150x150x600mm - Trung Anh	Cái	12,00	900.000,00	10.800.000
8	Khuôn đúc mẫu bê tông lập phương, kép 3 bằng thép, KT 150x150x150mm	Cái	12,00	900.000,00	10.800.000
9	Kích thủy lực FCY-50200	Cái	1,00	6.100.000,00	6.100.000
10	Kích thủy lực FCY-50150	Bộ	1,00	6.100.000,00	6.100.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**66.800.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:		**10 %**		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**6.680.000**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**73.480.000**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Bảy mươi ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.***					

TATECHCO TRUNG ANH TECHNICAL CO., LTD

Người mua hàng *(Buyer)*	Người bán hàng *(Seller)*
(Ký, ghi rõ họ, tên)	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*
(Signature, full name)	*(Signature, full name)*

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 30/03/2024**

TATECHCO
TRUNG ANH TECHNICAL CO,. LTD

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn *(Invoice code)*: **WZCXCLL0Z0PR**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C24TTA

Số *(No.)*: **00000485**

Ngày (Date) 30 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Mã CQT (Code): 00632A62D26DAA4DAE876A321387244949

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH

Mã số thuế *(Tax code)*: 0107506448

Địa chỉ *(Address)*: Lô CL 04-2, khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02438630666

Website: https://tatechco.com.vn & tatechco.vn

Email: contact@tatechco.vn

Số tài khoản *(Bank account)*: 228668868 - Ngân hàng TMCP Á Châu ACB-Chi nhánh Hà Nội

Họ và tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Mã số thuế *(Tax code)*: 0109723550

Địa chỉ *(Address)*: Đội 15, Thôn Khoan Tế, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Số tài khoản *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Tủ sấy 101-3A	Chiếc	1,00	8.500.000,00	8.500.000
2	Dụng cụ đo, kiểm tra hàm lượng bùn và cát của Bentonite, Model NB-1	Cái	2,00	2.200.000,00	4.400.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**12.900.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:		**8 %**		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**1.032.000**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**13.932.000**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Mười ba triệu chín trăm ba mươi hai nghìn đồng chẵn.***					

Người mua hàng *(Buyer)*

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng *(Seller)*

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 30/03/2024**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn *(Invoice code)*: **G8C1CAAJ1J4E**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C23TTA

Số *(No.)*: **00001889**

Ngày (Date) 07 tháng (month) 12 năm (year) 2023

Mã CQT (Code): 001DD0960A7EB94D238396A49EF90E5B43

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH

Mã số thuế *(Tax code)*: 0107506448

Địa chỉ *(Address)*: Lô CL 04-2, khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02438630666

Website: https://tatechco.com.vn & tatechco.vn

Email: contact@tatechco.vn

Số tài khoản *(Bank account)*: 228668868 - Ngân hàng TMCP Á Châu ACB-Chi nhánh Hà Nội

Họ và tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Mã số thuế *(Tax code)*: 0109723550

Địa chỉ *(Address)*: Đội 15, Thôn Khoan Tế, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản Số tài khoản *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Cân Điện Tử JPT	Cái	1,00	2.300.000,00	2.300.000
2	Cân điện tử TD-RP 30	Cái	1,00	8.000.000,00	8.000.000
3	Cân điện tử TM-A17 30kg	Cái	1,00	4.000.000,00	4.000.000
4	Cân kỹ thuật SPX 6201	Cái	1,00	1.250.000,00	1.250.000
5	Khuôn đúc mẫu vữa, KT 40x40x160mm kép 3 bằng thép - Việt Nam	Cái	30,00	300.000,00	9.000.000
6	Khuôn đúc mẫu bê tông lập phương, kép 3 bằng thép, KT 150x150x150mm	Cái	45,00	900.000,00	40.500.000
7	Khuôn uốn dầm 150x150x600mm - Trung Anh	Cái	15,00	900.000,00	13.500.000
8	Khuôn đúc mẫu bê tông bằng thép 70.7x70.7x70.7mm kép 3	Cái	5,00	320.000,00	1.600.000
9	Bộ côn thử độ sụt bê tông bằng Inox- Việt Nam	Bộ	3,00	700.000,00	2.100.000
10	Muôi xúc bằng Inox	Cái	5,00	80.000,00	400.000
11	Bộ dao vòng lấy mẫu hiện trường - Trung Anh	Bộ	20,00	1.000.000,00	20.000.000
12	Bộ tấm ép đo E	Bộ	10,00	5.000.000,00	50.000.000
13	Thanh nối dài của bộ đo E	Cái	10,00	1.200.000,00	12.000.000
14	Phễu xác định độ lưu động của vữa	Bộ	1,00	950.000,00	950.000
15	Kệ để vật dụng thí nghiệm bằng inox	m2	5,00	1.300.000,00	6.500.000
16	Bàn thí nghiệm bằng inox	m2	2,00	1.200.000,00	2.400.000
17	Giá để đồ thí nghiệm bằng inox	m2	1,00	1.100.000,00	1.100.000
18	Tủ để mẫu thí nghiệm bằng inox sâu 40cm	m2	2,00	1.300.000,00	2.600.000
19	Thùng ngâm mẫu thí nghiệm bằng inox	m3	2,00	1.950.000,00	3.900.000
20	Giá để mẫu thí nghiệm	m2	2,00	1.350.000,00	2.700.000

TATECHCO TRUNG ANH TECHNICAL CO,. LTD

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**184.800.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:	**10 %**			Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**18.480.000**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**203.280.000**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Hai trăm linh ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.***					

Người mua hàng *(Buyer)*

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng *(Seller)*

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 07/12/2023**

TATECHCO
TRUNG ANH TECHNICAL CO,. LTD

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn *(Invoice code)*: **XLTDFN7Z9J5**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 09 năm (year) 2023

Mã CQT (Code): 00F75996990144436B800BE2DB6D485EAF

Ký hiệu *(Serial)*: 1C23TTA

Số *(No.)*: **00001306**

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH

Mã số thuế *(Tax code)*: 0107506448

Địa chỉ *(Address)*: Lô CL 04-2, khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02438630666

Website: https://tatechco.com.vn & tatechco.vn

Email: contact@tatechco.vn

Số tài khoản *(Bank account)*: 228668868 - Ngân hàng TMCP Á Châu ACB-Chi nhánh Hà Nội

Họ và tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Mã số thuế *(Tax code)*: 0109723550

Địa chỉ *(Address)*: Đội 15, Thôn Khoan Tế, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Số tài khoản *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Đồng hồ áp chân không	Chiếc	1,00	450.000,00	450.000
2	Cân điện tử ALC 30kg	Cái	1,00	2.100.000,00	2.100.000
3	Lò nung 1000 độ C, Model: SX2-4-12	Cái	1,00	6.200.000,00	6.200.000
4	Cân điện tử GS-3202N	Cái	1,00	4.750.000,00	4.750.000
5	Bể ổn nhiệt marshall 57 lít	Bộ	1,00	5.500.000,00	5.500.000
6	Giấy lọc 60*60	Tờ	50,00	10.000,00	500.000
7	Máy chiết nhựa, Việt Nam	Cái	1,00	15.000.000,00	15.000.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**34.500.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:		**8 %**		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**2.760.000**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**37.260.000**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Ba mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn.***					

Người mua hàng *(Buyer)*

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng *(Seller)*

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 21/09/2023**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn *(Invoice code)*: **VWTDTG5Z3D9**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C23TTA

Số *(No.)*: **00001305**

Ngày (Date) 21 tháng (month) 09 năm (year) 2023

Mã CQT (Code): 0031F5A722E4374865B8A9D181BF83E6EF

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH

Mã số thuế *(Tax code)*: 0107506448

Địa chỉ *(Address)*: Lô CL 04-2, khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02438630666

Website: https://tatechco.com.vn & tatechco.vn

Email: contact@tatechco.vn

Số tài khoản *(Bank account)*: 228668868 - Ngân hàng TMCP Á Châu ACB-Chi nhánh Hà Nội

Họ và tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Mã số thuế *(Tax code)*: 0109723550

Địa chỉ *(Address)*: Đội 15, Thôn Khoan Tế, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK Số tài khoản *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Phễu rót cát - Việt Nam	Bộ	1,00	1.300.000,00	1.300.000
2	Cát trắng tuyển	kg	100,00	10.000,00	1.000.000
3	Máy đầm Marshall tự động - Model: MZ-IJ, xuất xứ: Trung Quốc	Cái	1,00	22.000.000,00	22.000.000
4	Rọ cân thủy tĩnh	Cái	1,00	300.000,00	300.000
5	Máy nén Marshall, Model FY-3A	Cái	1,00	22.000.000,00	22.000.000
6	Thân khuôn marshall	Cái	5,00	200.000,00	1.000.000
7	Chén sứ 100ml	Chiếc	2,00	40.000,00	80.000
8	Kích 32 tấn	Cái	1,00	1.300.000,00	1.300.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**48.980.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:		**10 %**		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**4.898.000**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**53.878.000**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Năm mươi ba triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng chẵn.***					

TATECHCO TRUNG ANH TECHNICAL CO,. LTD

Người mua hàng *(Buyer)*	Người bán hàng *(Seller)*
(Ký, ghi rõ họ, tên)	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*
(Signature, full name)	*(Signature, full name)*

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 21/09/2023**

TATECHCO
TRUNG ANH TECHNICAL CO,. LTD

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn *(Invoice code)*: **8XTBT1GWV_X**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C23TTA

Số *(No.)*: **00000734**

Ngày (Date) 20 tháng (month) 06 năm (year) 2023

Mã CQT (Code): 0088A5CEA0CE614C349857B4805ED151AC

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH

Mã số thuế *(Tax code)*: 0107506448

Địa chỉ *(Address)*: Lô CL 04-2, khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02438630666

Website: https://tatechco.com.vn & tatechco.vn

Email: contact@tatechco.vn

Số tài khoản *(Bank account)*: 228668868 - Ngân hàng TMCP Á Châu ACB-Chi nhánh Hà Nội

Họ và tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Mã số thuế *(Tax code)*: 0109723550

Địa chỉ *(Address)*: Đội 15, Thôn Khoan Tế, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản Số tài khoản *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Thanh nối dài của bộ đo E	Cái	1,00	1.200.000,00	1.200.000
2	Phễu xác định độ lưu động của vữa	Bộ	1,00	900.000,00	900.000
3	Bộ côn thử độ sụt bê tông bằng Inox- Việt Nam	Bộ	3,00	700.000,00	2.100.000
4	Muôi xúc bằng Inox	Cái	5,00	70.000,00	350.000
5	Khuôn đúc mẫu vữa, KT 40x40x160mm kép 3 bằng thép - Việt Nam	Cái	10,00	260.000,00	2.600.000
6	Khuôn uốn dầm 150x150x600mm - Trung Anh	Cái	5,00	900.000,00	4.500.000
7	Gá tháo khuôn lập phương	Cái	5,00	80.000,00	400.000
8	Mũi khoan rút lõi bê tông phi 108	Cái	8,00	700.000,00	5.600.000
9	Khuôn đúc mẫu bê tông bằng nhựa, kích thước 100x100x100mm	Cái	5,00	140.000,00	700.000
10	Tủ sấy 101-3	Cái	2,00	6.800.000,00	13.600.000
11	Cân bàn điện tử DH-150kg	Cái	2,00	2.100.000,00	4.200.000
12	Máy nén xi măng TYA 300 - Trung Quốc	Cái	1,00	37.000.000,00	37.000.000
13	Bộ thử nén nắp hố ga, xuất xứ Việt Nam	Bộ	1,00	45.000.000,00	45.000.000
14	Bộ khung nén cống ly tâm	Bộ	1,00	90.000.000,00	90.000.000
15	Khuôn đúc mẫu bê tông lập phương, kép 3 bằng thép, KT 150x150x150mm	Cái	10,00	900.000,00	9.000.000
16	Kệ để vật dụng thí nghiệm bằng inox	m2	2,00	1.300.000,00	2.600.000
17	Bàn thí nghiệm bằng inox	m2	2,00	1.200.000,00	2.400.000
18	Giá để đồ thí nghiệm bằng inox	m2	2,00	1.100.000,00	2.200.000
19	Tủ để mẫu thí nghiệm bằng inox sâu 40cm	m2	2,00	1.300.000,00	2.600.000
20	Thùng ngâm mẫu thí nghiệm bằng inox	m3	2,00	1.950.000,00	3.900.000
21	Giá để mẫu thí nghiệm	m2	2,00	1.350.000,00	2.700.000

TATECHCO TRUNG ANH TECHNICAL CO,. LTD

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**233.550.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:	**10 %**			Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**23.355.000**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**256.905.000**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Hai trăm năm mươi sáu triệu chín trăm linh năm nghìn đồng chẵn.***					

Người mua hàng ***(Buyer)***

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng ***(Seller)***

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 20/06/2023**

TATECHCO
TRUNG ANH TECHNICAL CO,. LTD

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn *(Invoice code)*: **A6TES3RLXAR**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ngày (Date) 23 tháng (month) 05 năm (year) 2023

Mã CQT (Code): 009F8C2BD5003547AAA4C560463108EEBE

Ký hiệu *(Serial)*: 1C23TTA

Số *(No.)*: **00000612**

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH

Mã số thuế *(Tax code)*: 0107506448

Địa chỉ *(Address)*: Lô CL 04-2, khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02438630666

Website: https://tatechco.com.vn & tatechco.vn

Email: contact@tatechco.vn

Số tài khoản *(Bank account)*: 228668868 - Ngân hàng TMCP Á Châu ACB-Chi nhánh Hà Nội

Họ và tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Mã số thuế *(Tax code)*: 0109723550

Địa chỉ *(Address)*: Đội 15, Thôn Khoan Tế, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản Số tài khoản *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Cát trắng tuyển	kg	100,00	10.000,00	1.000.000
2	Phễu rót cát bằng nhôm Việt Nam(Loại dày)	Cái	1,00	1.300.000,00	1.300.000
3	Máy kiểm tra độ cứng bê tông bằng kéo nén thủy lực, được sơn màu xanh, Model TYA-2000	Cái	1,00	43.000.000,00	43.000.000
4	Gá nén mẫu xi măng 40x40mm-TQ	Bộ	1,00	1.500.000,00	1.500.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**46.800.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:	**10 %**			Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**4.680.000**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**51.480.000**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Năm mươi mốt triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.***					

TRUNG ANH TECHNICAL CO., LTD

Người mua hàng *(Buyer)*

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng *(Seller)*

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 23/05/2023**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn *(Invoice code)*: **77TZFER6L08**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C23TTA

Số *(No.)*: **00000173**

Ngày (Date) 03 tháng (month) 03 năm (year) 2023

Mã CQT (Code): 001DB2B9293285448EA265A570B5E974E1

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH

Mã số thuế *(Tax code)*: 0107506448

Địa chỉ *(Address)*: Lô CL 04-2, khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02438630666

Website: https://tatechco.com.vn & tatechco.vn

Email: contact@tatechco.vn

Số tài khoản *(Bank account)*: 228668868 - Ngân hàng TMCP Á Châu ACB-Chi nhánh Hà Nội

Họ và tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Mã số thuế *(Tax code)*: 0109723550

Địa chỉ *(Address)*: Đội 15, Thôn Khoan Tế, Xã Đa Tốn, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản Số tài khoản *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Khuôn CBR - Việt Nam	Bộ	6,00	1.150.000,00	6.900.000
2	Đĩa đệm CBR	Cái	1,00	200.000,00	200.000
3	Sàng tiêu chuẩn đường kính 300mm - Trung Quốc	Cái	5,00	170.000,00	850.000
4	Cát trắng tuyển	kg	100,00	10.000,00	1.000.000
5	Kích thủy lực, Model: HHYG-300A - Trung Quốc	Cái	1,00	15.000.000,00	15.000.000
6	Bộ ngàm kẹp Bulong và thép	Bộ	1,00	4.000.000,00	4.000.000
7	Bộ ngàm nhổ thép hiện trường	Bộ	1,00	5.000.000,00	5.000.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**32.950.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:		**10 %**		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**3.295.000**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**36.245.000**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Ba mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng chẵn.***					

Người mua hàng *(Buyer)*

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng *(Seller)*

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ SẢN XUẤT TRUNG ANH**

***Ký ngày (Signing Date)*: 03/03/2023**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn *(Invoice code)*: **QNTRC_0GB7B**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)
Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№) : 26H 3364/MB.CN

Tên phương tiện đo (*Object*) : Máy thử độ bền kéo nén

Kiểu (*Type*) : WE - 1000B Số (*Serial №*) / Mã QL(Tag №): 1731

Nơi sản xuất (*Manufacturer*) : Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*) : Phạm vi đo: (0 ÷ 200) kN, d = 0,5 kN
Phạm vi đo: (0 ÷ 500) kN, d = 1 kN
Phạm vi đo: (0 ÷ 1000) kN, d = 2 kN

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): ĐLVN 109 : 2002
Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*) : MB.TB1.04 - Đầu đo lực
Độ không đảm bảo đo, U = 0,12% (k = 2; P ≈ 95%)
Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (*Results*) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 20 - 04 - 2027

Hà Nội, Ngày 20 tháng 04 năm 2026
(*Date of issue*)

Trưởng phòng kỹ thuật	**TM GIÁM ĐỐC**
(Head of technical)	*(On behalf of Director)*
Hoàng Tiến Dũng	*PGĐ. Cao Văn Hùng*

M.S.D.N: 0108464455 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC Q. HÀ ĐÔNG - T.P HÀ NỘI

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)

NME TEST

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)*: 26H 3364/MB.CN

Chỉ thị trên máy (kN)	*Lực đo được (kN)*	*Chỉ thị trên máy (kN)*	*Lực đo được (kN)*
Thang đo (0 ÷ 1000) kN d = 2 kN		**Thang đo (0 ÷ 500) kN d = 1 kN**	
0	0.00	0	0.00
200	199.04	100	99.40
400	398.92	200	198.12
600	577.14	300	299.09
800	798.21	400	398.51
900	897.56	450	448.06
Thang đo (0 ÷ 200) kN d = 0,5 kN			
0	0.00		
40	39.87		
80	79.54		
120	120.60		
160	160.72		
180	180.95		

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (24 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo: U = 1,0 %, k = 2, mức tin cậy P ≈ 95%.

(The equipment has been calibrated at the temperature of (24 ± 2) ℃. The measurement uncertainty is: U = 1,0 %, k = 2, P ≈ 95%).

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)
Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№) 26H 3465/MB.CN

Tên phương tiện đo (*Object*): Máy thử độ bền nén

Kiểu (*Type*) : TYE-2000 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 133

Nơi sản xuất (*Manufacturer*) : Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*) : Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 800)kN, d=2.5kN
(0 ÷ 2000)kN, d=5kN

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): ĐLVN 109 : 2002
Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*) : MB.TB1.04.1 - Đầu đo lực
Độ không đảm bảo đo, U = 0,12% (k = 2; P ~ 95%)
Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (*Results*) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 20 – 04 – 2027

Hà Nội, Ngày 20 tháng 04 năm 2026

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)

M.S.D.N:0108464455-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC Q. HÀ ĐÔNG - T.P HÀ NỘI

PGĐ: Cao Văn Hùng

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)* : 26H 3465/MB.CN

STT	Số chỉ thị trên máy nén *Value on the mashines* (kN)	Lực đo được *Measured force* (kN)	Sai số *error* (kN)	Độ KĐBĐ mở rộng *Uncertainty* (kN)
Thang đo: (0 ÷ 800) kN, d=2.5 kN				
1	0	0	0	0.00
2	100	100.01	-0.01	1.76
3	200	201.31	-1.31	0.76
4	300	300.79	-0.79	0.91
5	400	402.82	-2.82	0.39
6	500	503.21	-3.21	0.44
7	600	603.59	-3.59	0.35
Phương trình hiệu chuẩn: y= 0.9984x + 0.0534				
Thang đo: (0 ÷ 2000) kN, d=5kN				
1	400	401.92	-1.92	0.75
2	600	602.87	-2.87	0.58
3	800	803.42	-3.42	0.40
4	1000	1003.42	-3.42	0.41
5	1200	1203.24	-3.24	0.30
6	1400	1403.72	-3.72	0.28
7	1600	1602.85	-2.85	0.22
8	1800	1804.23	-4.23	0.22
Phương trình hiệu chuẩn: y= 0.9984x + 0.0534				
Trong đo: y là giá trị trên phương tiện chuẩn (kN)				
x là giá trị hiển thị trên máy nén (kN)				

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (24 ± 2) °C, k = 2, mức tin cậy P ~ 95%.

(The equipment has been calibrated at the temperature of (24 ± 2)°C, k = 2, P ~ 95%).

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)
Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№) : 26H 3360/MB.CN

Tên phương tiện đo (*Object*) : Cân điện tử

Kiểu (*Type*) : GS-3202N Số (*Serial №*) / Mã QL(Tag №): 202209965

Nơi sản xuất (*Manufacturer*) : Nhật Bản

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*) : Mức cân lớn nhất P_{max}= 3200g
Giá trị độ chia nhỏ nhất; d= 0.01g

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): MB.M-01.19

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*) : Bộ quả cân F1 kiểu 1-2-2-5 được liên kết chuẩn với Cục Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng

Kết quả (*Results*) :

TT	Khối lượng danh định (g)	Chỉ thị thực tế (g)	Sai số (g)
1	0.0	0.0	0.00
2	500.00	500.00	0.00
3	1000.00	1000.01	+0.01
4	2000.00	2000.00	0.00
5	3000.00	3000.00	0.00

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (24 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo: U = 1,0 %, k = 2, mức tin cậy P ≈ 95%.

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 20 - 04 - 2027

Hà Nội, Ngày 20 tháng 04 năm 2026
(*Date of issue*)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behafl of Director)

M.S.D.N:0108464455-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC Q. HÀ ĐÔNG - T.P HÀ NỘI

PGĐ. Cao Văn Hùng

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)
Địa chỉ (Add): Tầng 2 lô CL04-2, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№) 26H 7322/MB.CN

Tên phương tiện đo (*Object*): Máy thử độ bền kéo nén đa năng

Kiểu (*Type*) : WDW - 100A Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 2410156

Nơi sản xuất (*Manufacturer*) : Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*) : Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 100) kN; d=0.01kN

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79**

Địa chỉ (Address): Đội 15, Thôn Khoan Tế, Xã Bát Tràng, TP Hà Nội

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): ĐLVN 109 : 2002
Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*) : MB.TB1.05 - Đầu đo lực
Độ không đảm bảo đo, U = 0,12% (k = 2; P ~ 95%)
Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (*Results*) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 07 - 09 - 2027

Hà Nội, Ngày 07 tháng 09 năm 2026

(*Date of issue*)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)

M.S.D.N:0108464455-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC Q. HÀ ĐÔNG - T.P HÀ NỘI

PGĐ: Cao Văn Hùng

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)* : 26H 7322/MB.CN

STT	Số chỉ thị trên máy *Value on the mashines* (kN)	Lực đo được *Measured force* (kN)	Sai số *error* (kN)	Độ không đảm bảo đo mở rộng *Uncertainty* (%)
1	0	0.00	0.00	0.00
2	5.00	5.033	-0.033	0.31
3	10.00	10.054	-0.054	0.15
4	20.00	20.135	-0.135	0.13
5	30.00	30.186	-0.186	0.13
6	40.00	40.226	-0.226	0.12
7	50.00	50.265	-0.265	0.12
8	60.00	60.310	-0.310	0.12
9	70.00	70.376	-0.376	0.12
10	80.00	80.403	-0.403	0.12

Phương trình hiệu chuẩn: y= 0.995x - 0.0145

Trong đo: y là giá trị trên phương tiện chuẩn (kN)

x là giá trị hiển thị trên máy nén (kN)

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (24 ± 2) °C, k = 2, mức tin cậy P ~ 95%.

(The equipment has been calibrated at the temperature of (24 ± 2)°C,, k = 2, P ~ 95%).

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ *(Add.)*:thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại *(Tel.)*: 0888.333.717 – Email:dichvu@hieuchuanimc.com – Web:hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№) :IMC.8818.26

Tên phương tiện đo *(Object)* : **Thử nghiệm cao áp - Thiết bị siêu âm cọc khoan nhồi**

Kiểu *(Type)* : AII 1 Số *(Serial №)* / Mã QL*(Tag №)* : A1-090

Nơi sản xuất *(Manufacturer)* : SolGeo

Đặc trưng kỹ thuật đo lường *(Specification)* : Điện áp phát: 100V ÷1200V

Cơ sở sử dụng *(Customer)* :

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Địa chỉ *(Address)*: Đội 15, Thôn Khoan Tế, Xã Bát Tràng, TP Hà Nội, Việt Nam

Phương pháp thực hiện *(Method of calibration)*: IMC. HV-1.0

-Thiết bị thử nghiệm cao áp - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng *(Standards used)* : Agilent 34401A 6½ digit

Được liên kết tới hệ đơn vị đo quốc tế SI thông qua chuẩn quốc gia

(The Standard devices are traceable to National standards)

Kết quả *(Results)* : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị *(Recalibration recommended)*: 20 - 04 -27

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Trần Đình Tấn

GIÁM ĐỐC
(Director)

M.S.D.N: 0106837... CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
Phạm Đông Dương

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)*: IMC.8818.26

Giá trị đặt (V)	Giá trị đo được (V)	Độ KĐBĐ (P = 95%, k = 2)
100	100,3	0,5%
200	200,5	
400	401,1	
500	502,8	
800	803,5	
1000	1004,5	

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (24 ± 2) °C.
  (The equipment was calibrated at the temperature of (24± 2) °C.

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ *(Add.)*:thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại *(Tel.)*: 0888.333.717 – Email:dichvu@hieuchuanimc.com – Web:hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (№) : IMC.8772.26

Tên phương tiện đo *(Object)* : **Súng bật nẩy thử cường độ bê tông**

Kiểu (*Type*) : N/A Số (*Serial №*) / Mã QL(Tag №): N/A

Nơi sản xuất (*Manufacturer*) : Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*) : Phạm vi đo: 10 - 100 N/mm^2

Cơ sở sử dụng *(Customer)* :

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Địa chỉ *(Address)*: Đội 15, Thôn Khoan Tế, Xã Bát Tràng, TP Hà Nội, Việt Nam

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): ĐLVN 150 : 2004

Thiết bị thử cường độ bê tông bằng phương pháp bật nẩy - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*) : IMC.TB1.13 - Đe hiệu chuẩn 79 ± 2; U = 2R

Kết quả (*Results*): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau *(See the results of the calibration on the next page)*

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 20 - 04 - 27

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026
(*Date of issue*)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Trần Đình Tấn

GIÁM ĐỐC
(Director)

M.S.D.N: 0106822154 CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
Phạm Đông Dương

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)*: IMC.8772.26

Giá trị bật nảy của búa khi thử trên đe chuẩn

Lần thử	1	2	3	4	5
Kết quả	78	78	79	78	79

- Nhiệt độ hiệu chuẩn : (24 ± 2) °C;
- Với độ không đảm bảo đo : U = 2,0 R, k = 2, mức tin cậy P ≈ 95%.

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)
Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№) : 26H 1729/MB.CN

Tên phương tiện đo (*Object*) : Kích thuỷ lực

Kiểu (*Type*) : KN 500-200 Số (*Serial №*) / Mã QL(Tag №): 800325

Nơi sản xuất (*Manufacturer*) : Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*) : Phạm vi đo: (0 – 500) Tấn

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): ĐLVN 108 : 2002
Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*) : MB.TB1.04 - Đầu đo lực
Độ không đảm bảo đo, U = 0,12% (k = 2; P ≈ 95%)
Chuẩn được liên kết tới hệ đơn vị quốc tế SI

Kết quả (*Results*) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 31 – 03 – 2027

Hà Nội, Ngày 31 tháng 03 năm 2026
(*Date of issue*)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of Technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)

M.S.D.N:0108464455-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC Q. HÀ ĐÔNG T.P HÀ NỘI

PGĐ. Cao Văn Hùng

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)* : 26H 1729/MB.CN

TT	Số đọc đồng hồ áp (Mpa)	Giá trị chỉ thị (kN)
1	0	0
2	4	242
3	6	406
4	8	551
5	10	714
6	14	1015
7	20	1480
8	30	2179
9	40	2963
10	50	3709
11	60	4442
12	65	4826
13	68	5045

Phương trình hiệu chuẩn:

$y = 74.698x - 33.815$

y là tải đo được (KN) và x là giá trị chỉ thị trên đồng hồ (vạch)

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (24 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo: $U = 0,8.10^{-2}$, k = 2, mức tin cậy P ≈ 95%.

(The equipment has been calibrated at the temperature of (24 ± 2) °C. The measurement uncertainty is: $U = 0,8.10^{-2}$, k = 2, P ≈ 95%).

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№) : 26H 1731/MB.CN

Tên phương tiện đo (*Object*) : Đồng hồ so

Kiểu (*Type*) : Cơ Số (*Serial №*) / Mã QL(Tag №): 9515919

Nơi sản xuất (*Manufacturer*) : Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*) : Phạm vi đo (*Range*): (0 ÷ 50) mm; d = 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): ĐLVN 75:2001

Đồng hồ đo biến dạng - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*) : MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so

BM1-103-2 - Bộ căn mẫu song phẳng ; U = (0,1 + 2.L) µm , [L]:m

Kết quả (*Results*) :

*. Nhiệt độ hiệu chuẩn: (24 ± 2) °C.

*. Sai số thành phần: ± 10 µm. Độ hồi sai: ± 1 µm.

*. Với độ không đảm bảo đo: U = (5,8 + 6.2.L) µm. L tính bằng m, k = 2, mức tin cậy ≈ 95%.

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 31 – 03 – 2027

Hà Nội, Ngày 31 tháng 03 năm 2026
(*Date of issue*)

Trưởng phòng kỹ thuật	**TM GIÁM ĐỐC**
(Head of technical)	*(On behalf of Director)*
Hoàng Tiến Dũng	*PGĐ. Cao Văn Hùng*

M.S.D.N:0108464455-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC Q. HÀ ĐÔNG - TP HÀ NỘI

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)
Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№) : 26H 1732/MB.CN

Tên phương tiện đo (*Object*) : Đồng hồ so

Kiểu (*Type*) : Cơ Số (*Serial №*) / Mã QL(Tag №): 0520743

Nơi sản xuất (*Manufacturer*) : Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*) : Phạm vi đo (*Range*): (0 ÷ 50) mm; d = 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): ĐLVN 75:2001
Đồng hồ đo biến dạng - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*) : MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so

BM1-103-2 - Bộ căn mẫu song phẳng ; U = (0,1 + 2.L) µm , [L]:m

Kết quả (*Results*) :
*. Nhiệt độ hiệu chuẩn: (24 ± 2) °C.
*. Sai số thành phần: ± 11 µm. Độ hồi sai: ± 2 µm.
*. Với độ không đảm bảo đo: U = (5,8 + 6.2.L) µm. L tính bằng m, k = 2, mức tin cậy ≈ 95%.

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 31 – 03 – 2027

Hà Nội, Ngày 31 tháng 03 năm 2026
(*Date of issue*)

Trưởng phòng kỹ thuật	**TM GIÁM ĐỐC**
(Head of technical)	*(On behalf of Director)*
Hoàng Tiến Dũng	*PGĐ. Cao Văn Hùng*

M.S.D.N:0108464455-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC Q. HÀ ĐÔNG - T.P. HÀ NỘI

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)

NME TEST

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)
Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№) : 26H 3612/MB.CN

Tên phương tiện đo (*Object*) : Áp kế (Bơm thử áp lực đường ống)

Kiểu (*Type*) : RP 50-60 Số (*Serial №*) / Mã QL(Tag №): 80008

Nơi sản xuất (*Manufacturer*) : Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*) : Phạm vi đo: (0÷6) Mpa

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): ĐLVN 76:2001
Áp kế - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*) : MB.TB2.05 - Dụng cụ chuẩn kiểu áp suất hiện số

Kết quả (*Results*) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 04 – 05 – 2027

Hà Nội, Ngày 04 tháng 05 năm 2026
(*Date of issue*)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behafl of Director)

M.S.D.N:0108464455-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC Q. HÀ ĐÔNG - T.P HÀ NỘI

PGĐ. Cao Văn Hùng

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)

NME TEST

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)* : 26H 3612/MB.CN

TT	Giá trị chỉ thị (Mpa)	Giá trị đo được (Mpa)
1	0.0	0.000
2	1.0	1.003
3	2.0	2.005
4	3.0	3.007
5	4.0	4.008
6	5.0	5.010
7	6.0	5.987

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (24 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo: U = 1.0 %, k = 2, mức tin cậy P ≈ 95%.

(The equipment has been calibrated at the temperature of (24 ± 2) ℃. The measurement uncertainty is: U = 1,0 %, k = 2, P ≈ 95%).

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)
Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№) : 26H 3351/MB.CN

Tên phương tiện đo (*Object*) : Lò nung

Kiểu (*Type*) : SX_2- 4-10 Số (*Serial №*) / Mã QL(Tag *№*): 21224

Nơi sản xuất (*Manufacturer*) : Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*) : Phạm vi đo: (0-1000) ^{0}C

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): MB.M – 02.19:2019

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*) : MB.TB2.08 - Đầu đo nhiệt độ chuẩn

Độ không đảm bảo đo, U = 0,15^{0}C

Kết quả (*Results*) :

Giá trị chuẩn (^{0}C)	100.00	200.00	400.00	600.00	800.00
Giá trị hiển thị (^{0}C)	100.52	199.13	400.67	598.65	801.29

Nhiệt độ hiệu chuẩn (*Calibration temperature*): (24 ± 2)^{0}C

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 20 - 04 - 2027

Hà Nội, Ngày 20 tháng 04 năm 2026
(*Date of issue*)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)

M.S.D.N: 0108464455-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC Q. HÀ ĐÔNG - P. HÀ NỘI

PGĐ. Cao Văn Hùng

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)

NME TEST

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)
Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№) : 26H 3353/MB.CN

Tên phương tiện đo (*Object*) : Bể ổn nhiệt marshall

Kiểu (*Type*) : DHC-57 Số (*Serial №*) / Mã QL(Tag №): 23022

Nơi sản xuất (*Manufacturer*) : Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*) : Phạm vi đo (20 – 100°C); d=5°C

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): MB.M – 02.19
Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*) : MB.TB2.08 - Đầu đo nhiệt độ chuẩn
Độ không đảm bảo đo, U = 0,12% (k = 2; P ≈ 95%) được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (*Results*) :

Giá trị cài đặt (°C)	Giá trị chuẩn (°C)	Giá trị hiển thị (°C)	Sai số (°C)
60,0	60,0	59,98	-0,02

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (24 ± 2) °C, k = 2, mức tin cậy P ≈ 95%

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 20 - 04 - 2027

Hà Nội, Ngày 20 tháng 04 năm 2026
(*Date of issue*)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)

M.S.D.N:0108464455-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC Q. HÀ ĐÔNG - T.P HÀ NỘI

PGĐ. Cao Văn Hùng

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)
Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№) : 26H 3352/MB.CN

Tên phương tiện đo (*Object*) : Máy nén marshall

Kiểu (*Type*) : FY-3A Số (*Serial №*) / Mã QL(Tag *№*): 2305021

Nơi sản xuất (*Manufacturer*) : Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*) : Phạm vi đo: (0 ÷ 30) kN, d= 0.01 kN

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): ĐLVN 108 : 2002
Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*) : MB.TB1.02 - Đầu đo lực
Độ không đảm bảo đo, U = 0,12% (k = 2; P ≈ 95%)
Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (*Results*) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 20 - 04 - 2027

Hà Nội, Ngày 20 tháng 04 năm 2026
(*Date of issue*)

Trưởng phòng kỹ thuật	**TM GIÁM ĐỐC**
(Head of technical)	*(On behalf of Director)*
Hoàng Tiến Dũng	*PGĐ. Cao Văn Hùng*

M.S.D.N:0108464455-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC Q. HÀ ĐÔNG - T.P HÀ NỘI

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)* : 26H 3352/MB.CN

STT	Số chỉ trên chuẩn (KN)	Lực đo được (KN)
1	5.000	5.025
2	10.000	10.064
3	15.000	15.137
4	20.000	19.926
5	30.000	29.894

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (24 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo: U = $1{,}7.10^{-2}$, k = 2, mức tin cậy P ≈ 95%.

(The equipment has been calibrated at the temperature of (24 ± 2) ℃. The measurement uncertainty is: U = $1{,}7.10^{-2}$, k = 2, P ≈ 95%).

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)
Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ ĐO

(Measurement Certificate)

Số (№) : 26ĐT 1876/MB.CN

Tên phương tiện đo (*Object*) : Máy đầm marshall tự động

Kiểu (*Type*) : MZ-IJ Số (*Serial №*) / Mã QL(Tag *№*): 20230206

Nơi sản xuất (*Manufacturer*) : Trung quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*) : Tiêu chuẩn: TCVN 8860-1

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): Đo trực tiếp; Theo yêu cầu của khách hàng

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*) : Thước: MB.TB2.02; Ni vô: MB.TB2.01
Thước kẹp: MB.TB.1.12; Cân kỹ thuật d=0.01g

Kết quả (*Results*) : Xem kết quả đo trang sau
(See the results of the test on the next page)

Hiệu lực tới (*Valid Until*): 20 - 04 - 2027

Hà Nội, Ngày 20 tháng 04 năm 2026
(*Date of issue*)

Trưởng phòng kỹ thuật	**TM GIÁM ĐỐC**
(Head of technical)	*(On behalf of Director)*
Hoàng Tiến Dũng	*PGĐ: Cao Văn Hùng*

M.S.D.N:0108464455-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC Q. HÀ ĐÔNG - T.P HÀ NỘI

NME TEST

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)

KẾT QUẢ ĐO
(Measurement Results)

Kèm theo giấy chứng nhận kết quả đo số *(attached to certificate №)* : 26ĐT 1876/MB.CN

TT	Tên chỉ tiêu	Giá trị danh nghĩa	Kết quả Giá trị đo được
Đầm tiêu chuẩn			
01	Trọng lượng búa	4 536 ±9g	4 536g
02	Chiều cao rơi	457±2mm	457mm

Nhiệt độ tại thời điểm đo: (24 ± 2)°C; độ ẩm ~70%RH.

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)

CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM
ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM (ĐK 428)
(Vietnam Industrial Measuring Center., JSC)
Địa chỉ *(Add.)*:thôn Xuân Kỳ, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại *(Tel.)*: 0888.333.717 – Email:dichvu@hieuchuanimc.com – Web:hieuchuanimc.com

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): IMC.8771.26

Tên phương tiện đo (Object) : **Máy chiết nhựa ly tâm**

Kiểu (*Type*) : SLF-400 Số (*Serial №*) / Mã QL(*Tag №*): 4037

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*):
Tốc độ vòng quay: 2900 vòng/phút

Cơ sở sử dụng *(Customer)*:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79

Địa chỉ *(Address)*: Đội 15, Thôn Khoan Tế, Xã Bát Tràng, TP Hà Nội, Việt Nam

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): QTHC 5.4 - 09

Máy chiết xuất ly tâm - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*):

Đồng hồ đo tốc độ vòng quay

Kết quả (*Results*) : Xem kết quả trang sau

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 20 - 04 -27

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026
(*Date of issue*)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Trần Đình Tấn

GIÁM ĐỐC
(Director)

M.S.D.N: 0106822754 CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG CÔNG NGHIỆP IMC VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
Phạm Đông Dương

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

Kết quả hiệu chuẩn

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)*: IMC.8771.26

STT	Giá trị đặt (vòng/p)	Đo được (vòng/p)
1	1800	1801
2	2600	2604
3	2900	2909

- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (25 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo: $U = 1{,}0.10^{-2}$, k = 2, mức tin cậy P ≈ 95%.

  (The equipment has been calibrated at the temperature of (25 ± 2) ℃. The measurement uncertainty is: $U = 1{,}0.10^{-2}$, k = 2, P ≈ 95%).

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Trung tâm Đo lường Công nghiệp IMC Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Vietnam IMC)
Hotline: Dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn;Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy đo lường:
0888.333.717

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)
Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№) : 26H 3365/MB.CN

Tên phương tiện đo (*Object*) : Vòng đo lực máy nén CBR – Máy nén CBR

Kiểu (*Type*) : CBR-I Số (*Serial №*) / Mã QL(Tag *№*): 210105

Nơi sản xuất (*Manufacturer*) : Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specification*) : Phạm vi đo: (0 ÷ 60) kN
Đồng hồ so (0-10) mm
Giá trị vạch chia: 0.01mm/vạch

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 79**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): ĐLVN 108 : 2002
Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*) : MB.TB1.02 - Đầu đo lực
Độ không đảm bảo đo, U = 0,12% (k = 2; P ≈ 95%)
Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (*Results*) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 20 - 04 - 2027

Hà Nội, Ngày 20 tháng 04 năm 2026
(*Date of issue*)

Trưởng phòng kỹ thuật	**TM GIÁM ĐỐC**
(Head of technical)	*(On behalf of Director)*
Hoàng Tiến Dũng	*PGD. Cao Văn Hùng*

M.S.D.N:0108464455-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG MIỀN BẮC Q. HAI BÀ TRƯNG - TP HÀ NỘI

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)

NME TEST

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số *(attached to certificate №)* : 26H 3365/MB.CN

STT	Giá trị đọc trên phương tiện do (Vạch)	Giá trị trung bình đọc trên phương tiện chuẩn (kN)
1	0	0
2	22	5
3	41	10
4	64	15
5	83	20
6	97	25
7	114	30
8	137	35
9	155	40
10	179	45
11	196	50

Phương trình hiệu chuẩn:

$$y = 0.2582x - 0.5359$$

- y là tải đo được (KN) và x là giá trị chỉ thị trên đồng hồ (vạch)
- Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (24 ± 2) °C với độ không đảm bảo đo:

  $U = 0{,}8.10^{-2}$, k = 2, mức tin cậy P ≈ 95%.

(The equipment has been calibrated at the temperature of (24 ± 2) ℃. The measurement uncertainty is: $U = 0{,}8.10^{-2}$, k = 2, P ≈ 95%).

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Chất lượng và Hiệu chuẩn Đo lường Miền bắc
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of NQV.,JSC)

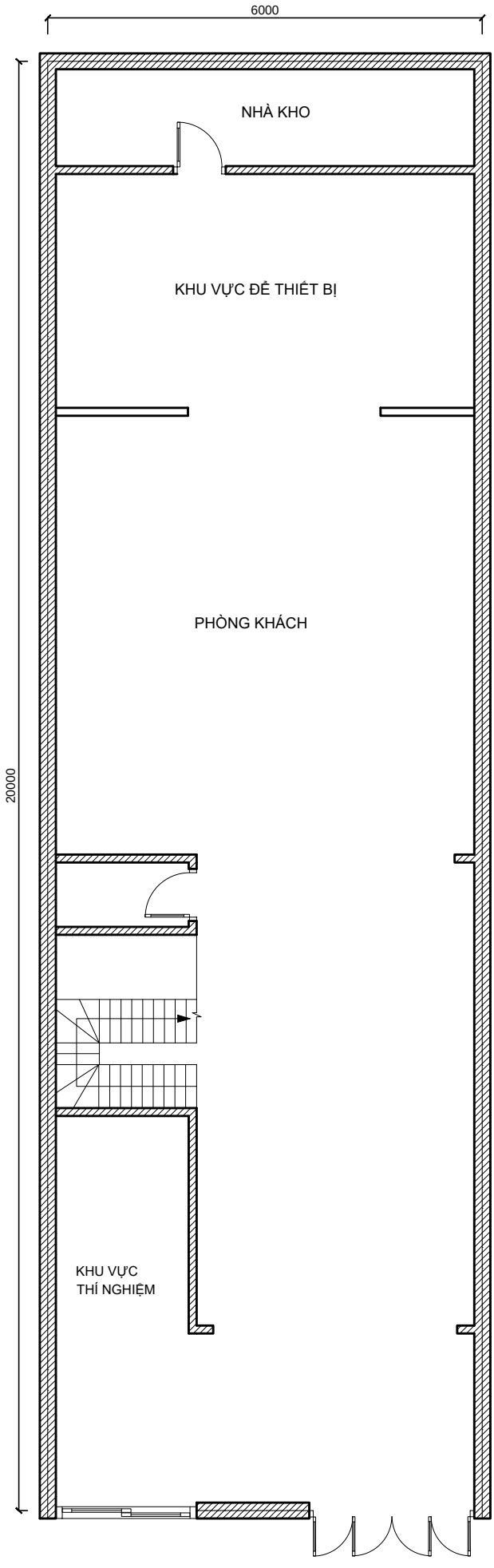

MẶT BẰNG PHÒNG THÍ NGHIỆM